SỞ GD-ĐT TP ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN LỚP 12

GV: Lê Thị Hiệp

BÀI 8: DỮ LIỆU TRONG VĂN BẢN THÔNG TIN

Thời gian thực hiện: 13tiết

(Đọc: 5 tiết, Thực hành tiếng Việt: 1 tiết, Viết: 3 tiết, Nói và nghe: 2 tiết)+ 3 tiết (ôn tập, kiểm tra, trả bài)

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

- Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản; đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết và nội dung của văn bản dựa trên trải nghiệm, quan điểm của người đọc.
- Nhận biết được bố cục, mạch lạc của văn bản; đánh giá được sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề; đề xuất được các nhan đề khác.
- Biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin; đánh giá được cách chọn lọc, sắp xếp thông tin; phân biệt được dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản.
- Biết tranh biện về một vấn đề đời sống (có những ý kiến trái ngược nhau); thể hiện được thái độ cầu thị khi tranh biện.
- Hiểu được các quy định liên quan đến việc sử dụng ý tưởng, thông tin hay câu chữ của người khác trong bài viết của mình để tránh vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.

2. Về năng lực:

- So sánh được hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp với các yếu tố phi ngôn ngữ.
- Viết được thư trao đổi về công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm.

3. Về phẩm chất:

- Có cái nhìn cởi mở, thái độ tôn trọng đối với những gì khác biệt.

B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết 78,79 VĂN BẢN 1: PA – RA – NA (PARANA)

(Trích *Nhiệt đới buồn*)

Cờ - lốt Lê – vi – Xtơ – rốt (Claude Lévi – Straus)

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Biết về thông tin và ngữ liệu
- Nhận biết vai trò của dữ liệu đối với đời sống nhân loại đương đại
- Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản.
- Biết được số phận của người bản địa trong lịch sử
- Hiểu được mối quan hệ giữa chính quyền thực dân và những người da đỏ bản xứ

2. Về năng lực:

- Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản; đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết và nội dung của văn bản dựa trên trải nghiệm, quan điểm của người đọc qua văn bản *Pa-ra-na*

- Chỉ ra được bố cục, mạch lạc của văn bản; đánh giá được sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề; đề xuất được các nhan đề khác cho văn bản *Pa-ra-na.*
- Phân tích được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin, đánh giá được cách chọn lọc, sắp xếp thông tin qua văn bản *Pa-ra-na.*
- Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học để viết một đoạn văn về mối quan hệ giữa văn minh và hoang dã, tìm đọc các văn bản khác trong tác phẩm *Nhiệt đới buồn.*

3. Về phẩm chất: Trân trọng và có ứng xử bình đẳng với những văn hoá khác biệt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:Máy tính, tivi, Phiếu học tập, các công cụ đánh giá

2. Học liệu:

- Giáo viên:

+ SGK Ngữ văn 12 tập 2; Sách giáo viên Ngữ Văn 12 tập 2

+ Thiết kế bài giảng điện tử, tài liệu tham khảo về lịch sử và văn hoá của người Anh điêng ở Châu Mỹ

+ Video, clip, tranh ảnh minh hoạ.

- Học sinh:

+ Chuẩn bị trước nhiệm vụ học tập được giao

+ Tìm hiểu về lịch sử và văn hoá của người Anh điêng ở Châu Mỹ. Có thể chia sẻ thông tin mà mình tìm hiểu được dưới dạng video hoặc bài thuyết trình ngắn và gửi lên ứng dụng Padlet hoặc Google classroom

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, huy động kiến thức trải nghiệm, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức và trải nghiệm về nội dung liên quan đến lịch sử và văn hoá của người Anh điêng ở Châu Mỹ.

b. Nội dung: GV gọi HS chia sẻ những thông tin mà mình tìm hiểu được thông qua video hoặc bài thuyết trình

c. Sản phẩm: Video hoặc bài thuyết trình của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Với nhiệm vụ đã giao ở tiết trước, kết hợp với việc xem trích đoạn video*Người Mohican*, trình bày hiểu biết về lịch sử và văn hoá của các dân tộc ở bản địa. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS chia sẻ video hoặc bài thuyết trình **B3. Báo cáo thảo luận:** HS lắng nghe và chia sẻ **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét và cung cấp thêm một số tư liệu về lịch sử và văn hoá của các dân tộc bản địa ở Nam Mỹ. Lịch sử và văn hóa của các dân tộc bản địa Nam Mỹ vô cùng đa dạng và phong phú, trải dài qua hàng nghìn năm với nhiều nền văn minh và di sản độc đáo. *Lịch sử: - Trước Columbus: Trước khi người châu Âu đến vào thế kỷ 15, Nam Mỹ đã là nơi sinh sống của nhiều nền văn minh phát triển rực rỡ, như:	HS nhận xét sản phẩm của các HS trình bày

+Olmec: Nổi tiếng với những đầu đá khổng lồ và hệ thống chữ viết phức tạp. +Maya: Nổi tiếng với kiến trúc kim tự tháp, hệ thống lịch pháp và toán học tiên tiến. +Inca: Nổi tiếng với kỹ thuật xây dựng đá hoàn hảo, hệ thống đường sá rộng lớn và đế chế hùng mạnh. +Aztec: Nổi tiếng với thủ đô Tenochtitlan tráng lệ, nghi lễ hiến tế và hệ thống kinh tế thị trường phát triển. - Sự xâm lược của châu Âu: Kể từ thế kỷ 15, người châu Âu, chủ yếu là Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, đã xâm lược Nam Mỹ, dẫn đến sự tàn phá nặng nề cho các nền văn hóa bản địa. Nhiều người bản địa bị sát hại, nô lệ hóa, hoặc buộc phải cải đạo sang Thiên Chúa giáo. Văn hóa và truyền thống của họ cũng bị đàn áp và mai một dần. - Sự hồi sinh: Trong những thập kỷ gần đây, các dân tộc bản địa Nam Mỹ đã nỗ lực hồi sinh văn hóa và ngôn ngữ của họ. Họ cũng đang đấu tranh cho quyền lợi đất đai và tự quyết. *Văn hóa: - Văn hóa bản địa Nam Mỹ: +Đa dạng: Văn hóa bản địa Nam Mỹ vô cùng đa dạng với hơn 500 dân tộc khác nhau, mỗi dân tộc có ngôn ngữ, phong tục tập quán, tín ngưỡng và nghệ thuật riêng. +Kết nối với thiên nhiên: Nhiều nền văn hóa bản địa Nam Mỹ có mối liên hệ sâu sắc với thiên nhiên. Họ tôn thờ các vị thần tự nhiên và sống hòa hợp với môi trường. +Nghệ thuật: Nghệ thuật bản địa Nam Mỹ vô cùng phong phú, bao gồm dệt may, gốm sứ, điêu khắc, âm nhạc và khiêu vũ. +Lễ hội: Các dân tộc bản địa Nam Mỹ tổ chức nhiều lễ hội truyền thống throughout the year, celebrating thu hoạch, tôn vinh các vị thần và tưởng nhớ tổ tiên. - Di sản: +Di tích khảo cổ: Nam Mỹ có nhiều di tích khảo cổ quan trọng của các nền văn minh cổ đại, như Machu Picchu (Peru), Chichen Itza (Mexico) và Teotihuacan (Mexico). +Bảo tàng: Nhiều bảo tàng ở Nam Mỹ trưng bày các hiện vật văn hóa bản địa, giúp du khách tìm hiểu về lịch sử và văn hóa của các dân tộc bản địa. -Kết luận: Lịch sử và văn hóa của các dân tộc bản địa Nam Mỹ là một phần quan trọng trong di sản văn hóa thế giới. Việc tìm hiểu và tôn vinh văn hóa bản địa góp phần thúc đẩy sự đa dạng văn hóa và hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc. (Phần tư liệu có thể gửi lên Google classroom để HS có thể tham khảo)	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN

a. Mục tiêu: Giúp HS biết được thư từ là dạng văn bản đặc biệt như thế nào, hiểu được vai trò của dữ liệu trong văn bản thông tin, dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp, tính cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu; đồng thời, biết tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

b. Nội dung: Thực hiện phiếu học tập theo từng nhóm.

c. Sản phẩm: Phần trình bày sản phẩm của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của Gv và Hs</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
- GV chia lớp thành 4 nhóm, tìm hiểu và thực hiện phiếu học tập.
<table>
<tr><th>Phiếu học tập 01
DỮ LIỆU TRONG VĂN BẢN THÔNG TIN
Tìm hiểu tri thức Ngữ văn</th></tr>
<tr><td>1. Vai trò của dữ liệu trong văn bản thông tin
……
……</td></tr>
<tr><td>2. Dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp
……
……</td></tr>
<tr><td>3. Tính cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu
……
……</td></tr>
<tr><td>4. Thư từ.
……
……</td></tr>
<tr><td>5. Tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ
……
……</td></tr>
</table>
B2. Thực hiện nhiệm vụ
Các nhóm làm việc trên phiếu học tập.
B3. Báo cáo thảo luận
Các nhóm lần lượt báo cáo sản phẩm của nhóm mình. Các nhóm khác lắng nghe, đưa ra phản hồi. Nhóm được hỏi sẽ giải đáp các câu hỏi của nhóm khác về sản phẩm của nhóm mình.
B4. Đánh giá kết quả thực hiện
GV nhận xét, đánh giá, chốt lại vấn đề.
</td><td>
1. Vai trò của dữ liệu trong văn bản thông tin
Dữ liệu là các thông tin dưới dạng chứ viết, kí hiệu, số liệu, hình ảnh, âm thanh, nhằm mô tả hoặc đo lường sự vật.
Có thể nói, dữ liệu là yếu tố quan trọng bậc nhất trong văn bản thông tin. Văn bản thông tin chỉ thực sự có giá trị khi cung cấp được cho người đọc những thông tin mới, đáng tin cây, dựa trên những dữ liệu phong phú, chính xác, khách quan. Lập trường, thái độ, quan điểm của tác giả cũng được bộc lộ một cách gián tiếp qua cách chọn lọc, sắp xếp, trình bày, phân tích, đánh giá dữ liệu.
2. Dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp
Dữ liệu sơ cấp là dữ liệu được người viết thu thập một cách trực tiếp qua hoạt động quan sát, phòng vấn, điều tra, thí nghiệm. Dữ liệu sơ cấp có thể tồn tại dưới dạng các bản ghi chép, nhật kí, số liệu điều tra, kết quả khảo sát, thực nghiệm, bản vẽ, ảnh chụp tại hiện trường. Dữ liệu sơ cấp có giá trị thực tiễn, giúp người đọc hình dung ra hiện trạng của vấn đề, sự việc, tuy nhiên có thể hàm chứa thiên kiến của người thu thập.
Dữ liệu thứ cấp là dữ liệu được khai thác bằng con đường gián tiếp, sử dụng lại những nguồn thông tin đã có từ trước. Dữ liệu thứ cấp mang lại cái nhìn đa dạng nhiều chiều hơn về vấn đề, song độ tin cậy của dữ liệu thứ cấp lại phụ thuộc vào nguồn thông tin gốc
3. Tính cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu
Để đánh giá tính cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản thông tin, người đọc có thể thực hiện một số thao tác sau:
- Thẩm định nguồn dữ liệu: Ai là người cung cấp dữ liệu, người cung cấp dữ liệu có đứ thẩm quyền và uy tin hay không, dữ liệu được công bố ở đâu, khi nào, qua kênh nào.
- Đánh giá tính logic trong cách trình bày: Dữ liệu được đưa ra theo trình tự nào? Mức độ tương hợp giữa các dữ liệu được thể hiện ra sao?
- Phân biệt sự thật và ý kiến: Sự thật là những số liệu, ví dụ, trích dẫn, câu chuyện thực tế mang tính khách quan, có thể đo lường, kiểm chứng, ý kiến là đánh già nhận định dựa trên quan điểm chủ quan của một cá nhân, khó xác minh.
- Suy luận để nhận ra thiên kiến của tác giả: Tìm các từ ngữ cho thấy sự thái quá của cảm xúc, những chi tiết thể hiện sự giân lược hoa hoặc cường điệu trong việc huy động dự liệu
- So sánh các dữ liệu trong văn bản đọc với dữ liệu tương tự ở một số văn bản khác Tìm điểm tương đồng, khác biệt trong cách nêu, phân tích dữ liệu giữa các văn bản vàlí giải nguyên nhân dẫn đến điều đó
</td></tr>
</table>

	4. Thư từ Thư từ (thư nói chungi là hình thức văn bản đặc biệt, có đối tượng tiếp nhận cụ thể được dùng với nhiều mục đích giao tiếp khác nhau: bày tỏ tình cảm, chia sẻ một trải nghiệm, cung cấp thông tin, thuyết phục hay thể hiện sự đồng tình với người đọc về một vấn đề. Tuy vào mục đích chủ yếu được nhâm đến mà một bức thư có thể là văn bản biểu cảm, văn bản tự sự, văn bản thông tin hay văn bản nghị luận. Sự pha trộn các yếu tố của nhiều kiểu văn bản khác nhau là hiện tượng thường thấy trong một bức thư **5. Tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ** Tôn trọng kết quả lao động sáng tạo của người khác và biết cách tiếp thu, kế thừa kết quả đó trong sản phẩm trí tuệ của mình theo đúng quy định và thông lệ quốc tế là yêu cầu bắt buộc trong học tập và nghiên cứu. Điều đó không chỉ góp phần tạo nên những sản phẩm sáng tạo mà còn bồi dưỡng cho người học, người nghiên cứu tính trung thực niềm say mê tìm tòi, khám phá cái mới.

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN PA-RA-NA

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mụctiêu:

- Nắm được những thông tin cơ bản về cuộc đời và sự nghiệp của tác giả Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rốt
- Hiểu khái quát về tác phẩm *Nhiệt đới buồn* và tóm tắt được ý chính của văn bản *Pa-ra-na.*

b. Nội dung: Những thông tin cơ bản về Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rốt và tác phẩm *Nhiệt đới buồn*.Đoạn trích *"Pa-ra-na".*

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ **1. Đọc** **2. Tác giả** GV tổ chức cho HS hoạt động phỏng vấn, chọn một MC điều hành cuộc phỏng vấn. 1. Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rốt có phải nhà nhà văn chuyên nghiệp không? 2. Các nghiên cứu của ông thuộc lĩnh vực nào? 3. Những trước tác của ông chứa đựng những giá trị gì? 4. Hãy kể những công trình nghiên cứu nổi tiếng của ông **3. Tác phẩm** * GV giao HS tóm tắt văn bản trước ở nhà **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ được giao	**I. Tìm hiểu chung** **1. Tác giả** **Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rốt** (1908 - 2009) là nhà nhân học, dân tộc học, triết học nổi tiếng người Pháp. Các nghiên cứu của Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rốt bao trùm nhiều lĩnh vực và tư tưởng của ông có ảnh hưởng sâu rộng trên thế giới. Trong trước tác của mình, ông thể hiện một tầm nhìn toàn cầu về nhân loại, chống lại sự độc tôn của văn minh phương Tây, bảo vệ cho sự đa dạng văn hóa và cảnh báo về nguy cơ hủy diệt thiên nhiên. Các công trình nổi tiếng của ông gồm có: *Những cấu trúc sơ đẳng về thân tộc (1949), Chủng tộc và lịch sử (1952), Nhiệt đới buồn (1955), Nhân loại học cấu trúc (1958), Tư tưởng hoang dã (1962),...* **2. Văn bản** ***Nhiệt đới buồn*** là tác phẩm tự truyện, du kí, đồng thời cũng là một ghi chép dân tộc học, du khảo triết học độc đáo. Tác phẩm được Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rốt viết sau hai mươi năm khảo sát thực địa ở Bra-xin, nơi ông có cơ hội được tiếp xúc với nền văn hóa Anh

B3. Báo cáo thảo luận: HS chia sẻ, láng nghe và nhận xét **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, rút kinh nghiệm, nhấn mạnh một số kiến thức trọng tâm	điêng đang đứng trước nguy cơ bị hủy hoại. Bằng những quan sát và ghi chép tỉ mỉ, khách quan của một nhà nhân học, sự sâu sắc của một nhà triết học, Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rốt đã đặt ra nhiều vấn đề đáng suy ngẫm về mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên và về chính bản chất, lịch sử của nhân loại.

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản
- Chỉ ra được bố cục, mạch lạc của văn bản; đánh giá được sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề
- Phân tích được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin; đánh giá được cách chọn lọc, sắp xếp thông tin qua văn bản Pa-ra-na.
- Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản Pa-ra-na

b. Nội dung: Sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức, trao đổi thảo luận để tiến hành trả lời các câu hỏi liên quan đến văn bản Pa-ra-na

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản Pa-ra-na

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về nhan đề, thông tin cơ bản của văn bản **B1. Chuyển giao nhiệm vụ** - Tìm hiểu nhan đề của đoạn trích - Tìm các từ khoá, chú ý các móc thời gian, sự kiện lịch sử để nắm được thông tin cơ bản của văn bản, đồng thời, thấy được số phận của người Anh điêng ở khu vực nam Bra-xin. Từ đó, phân biệt các ý chính, ý phụ. - GV chia HS thành 4 nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập số 2. (Các chi tiết miêu tả cuộc sống của người Giê dưới chế độ thực dân). Từ đó, nhận xét về mối quan hệ giữa chính quyền thực dân và người Anh điêng bản xứ. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS có thể sử dụng sơ đồ, bảng biểu để trực quan hoá các thông tin trong đoạn văn. **B3. Báo cáo thảo luận** HS chia sẻ **B4. Đánh giá kết quả thực hiện** GV đánh giá lại vấn đề, có thể so sánh mở rộng với sự đồng	**II. Khám phá văn bản** **1. Nhan đề, thông tin cơ bản của văn bản** ***a. Nhan đề:*** Pa-ra-na là tên một bang nằm ở phía nam của Bra-xin, được bao phủ bởi rừng bách tán, một trong những rừng cận nhiệt đới quan trọng nhất trên thế giới. => Nhan đề có liên quan chặt chẽ đến nội dung của văn bản: Phản ánh lịch sử và văn hoá của người Anh điêng nơi đây. ***b. Thông tin cơ bản của văn bản*** **Số phận người bản địa trong lịch sử* **SỐ PHẬN NGƯỜI BẢN ĐỊA TRONG LỊCH SỬ** **1. Trước thời kỳ thuộc địa** • Người Giê sống ở toàn bộ khu vực nam Bra-xin **2. Vài thế kỷ trước** • Người Tu-pi chiếm vùng biển và bị xoá sổ bởi thực dân. người Giê rút vào vùng hẻo lánh **3.1941** • Phần lớn người Giê bị ép phải định cư để khai hoá văn minh **4. Sau đó** • Chính quyền để họ tự sống theo cách của mình, Người Giê quay lại với lối sống cổ xưa - Nhận xét: + Sau khi bị người Châu Âu xâm lược, người Giê ở

<table>
<tr>
<td>hoá của Trung Hoa và Thực dân Pháp với dân ta nhưng bất thành. Từ đó, giúp HS thấy được sức sống, vẻ đẹp bền vững của các giá trị truyền thống bản địa trước sự xâm lược, bành trướng của các thế lực ngoại bang.</td>
<td>bản địa dồn đuổi, sống lẩn trốn, bị cưỡng bức định cư,bị áp đặt bởi văn hoá của người da trắng và sau đó bị bỏ mặc
+Từ dân tộc bản địa – chủ nhân của mảnh đất, họ trở thành kẻ bị xua đuổi, trấn áp và trở thành một cộng đồng thiểu số bị mất tiếng nói, bị đồng hoá, bị lãng quên.
=> Đây là số phận của một số cộng đồng thiểu số ở Châu Mỹ nói riêng cũng như trên toàn thế giới nói chung.
*Mối quan hệ giữa chính quyền thực dân và người Anh điêng bản xứ
- Cuộc sống của người Giê dưới chế độ thực dân
<table>
<tr><th>Chi tiết</th><th>Chính quyền thực dân</th><th>Người bản xứ</th></tr>
<tr><td>Các chính sách, tập tục cư trú</td><td>Ép người bản xứ định cư trong các ngôi làng,quy họ vào đối tượng cần khai hoá văn minh</td><td>Vẫn sống du cư</td></tr>
<tr><td>Về việc sử dụng công cụ lao động</td><td>Gửi đến rìu, dao, đinh, chày gỗ; quần áo, chăn màn</td><td>Không dùng đến, vẫn sử dụng những công cụ và kỹ thuật cổ xưa.</td></tr>
<tr><td>Về tập tục sinh hoạt</td><td>Xây nhà, cấp giường</td><td>Vẫn ở ngoài trời, phá giường làm củi đun</td></tr>
<tr><td>Về cuộc sống mưu sinh</td><td>Gửi đến những đàn bò</td><td>Để mặc chúng lang thang, từ chối thịt và sữa bò</td></tr>
</table>
- Nhận xét:
+ Từ những dữ liệu trên, cho thấy sự xung đột quyền lực: một bên là những nỗ lực trấn áp, đồng hoá, khai hoá văn minh của chính quyền thực dân; một bên là sự kháng cự của thổ dân da đỏ - họ từ chối văn minh, quay trở lại với đời sống hoang dã, với kỷ luật và tập tục cổ xưa.
+ Dấu vết của văn minh chỉ nằm ở lớp vỏ hời hợt bề ngoài, công cuộc đồng hoá thất bại, cán cân quyền lực thay đổi khi văn hoá nguyên thuỷ, văn hoá bản địa cất tiếng nói => cuộc đổi ngôi kì lạ phá vỡ thế cân bằng phù phiếm giữa văn hóa hiện đại và văn hóa nguyên thủy.
+ Sự thay đổi của vị thế quyền lực này cho thấy sức sống, vẻ đẹp, sự bền vững của các giá trị truyền thống bản địa trước sự trấn áp của văn minh phương Tây.</td>
</tr>
</table>

<table>
<tr>
<td>

Nhiệm vụ 2:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

HS hoàn thiện phiếu học tập số 3 để phân biệt được dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp, thấy được giá trị của của dữ liệu trong văn bản thông tin?

B2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát, điều hành lớp

B3. Báo cáo thảo luận

HS báo cáo kết quả

B4. Đánh giá kết quả thực hiện

</td>
<td>

2. Dữ liệu trong văn bản thông tin

** Phân biệt dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp*

<table>
<tr><th>Chi tiết</th><th>Dữ liệu sơ cấp</th><th>Dữ liệu thứ cấp</th></tr>
<tr><td>Dữ liệu minh hoạ</td><td>Các dữ liệu về cuộc sống của người Anh điêng bản xứ như:
-Những đồ vật khiến ta trầm tư ấy vẫn còn …. cũng như vật dụng bằng kim loại .
-Và những khẩu súng trường, súng lục cũ kĩ xưa ….. như kĩ thuật của các dân tộc chưa hề biết đến vũ khí nóng.</td><td>Các dữ liệu về lịch sử của người Anh điêng bản xứ như:
- Vào thời kì phát hiện ra xứ sở này, …. người ta xếp chung dưới tên gọi là Giê.
- Trong những khu rừng của các bang phía nam:Pa-ra-na và Xan-ta Ca-ta-ri-na…… ở nhiều trung tâm vào khoảng năm 1914.</td></tr>
<tr><td>Lí giải cho việc sắp xếp dữ liệu</td><td>- Dữ liệu được tác giả thu thập bằng phương pháp thực nghiệm, điền dã, khảo sát trực tiếp: Trên những dải đất nhìn xuống hai bờ sông Ri-ô Ti-ba-gi ấy, ở độ cao 1000m so với mặt biển, lần đầu tôi tiếp xúc với những người hoang dã…
- Văn bản được trích từ tác phẩm Nhiệt đới buồn. Đây là một ghi chép dân tộc học, được viết sau 20 năm đi khảo sát thực địa của tác giả ở Bra-xin</td><td>Gián tiếp từ các tài liệu khác nhưng tác giả không ghi rõ nguồn</td></tr>
<tr><td>Giá trị của dữ liệu</td><td>- Tạo bất ngờ, gây tò mò, muốn khám phá của độc giả, giúp độc giả hình dung ra cuộc sống của người Anh điêng bản xứ ở một vùng đất xa xôi vào</td><td>Giúp người đọc có thể hình dung được bối cảnh lịch sử mà người Anh điêng đã trải qua và số phận của họ. Đồng thời, những dữ liệu này cũng cung cấp</td></tr>
</table>

</td>
</tr>
</table>

	thời kỳ trước - Đập tan các định kiến của người phương Tây đã gán cho cộng đồng các dân tộc thiểu số trên thế giới: Man rợ, thấp kém, lạc hậu	những tri thức về lịch sử của Châu Mỹ

**Nhận xét*

- Dữ liệu sơ cấp có giá trị cao về tính chân thực, khách quan, phản ánh trực tiếp thực tế.
- Dữ liệu thứ cấp có giá trị tham khảo, giúp người đọc hiểu rõ hơn về bối cảnh, sự kiện được đề cập.

Nhiệm vụ 3:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV đặt câu hỏi

- Hãy cho biết vai trò của người trần thuật xưng "tôi"
- Tác giả đứng ở vị trí nào để quan sát và miêu tả cuộc sống của người Anh điêng?
- Tác giả đánh giá như thế nào về họ, những kẻ khác?

Liệu có thái độ miệt thị, khinh thường trong cách miêu tả, đánh giá không? Vì sao?

B2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh trao đổi theo bàn, bày tỏ suy nghĩ cá nhân, hợp tác để tổng hợp kiến thức.

GV quan sát,điều hành lớp

B3. Báo cáo thảo luận

HS bày tỏ quan điểm của bản thân, lắng nghe và phản hồi ý kiến từ các thành viên trong lớp.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện

GV nhận xét và mở rộng kiến thức.

3. Thái độ, quan điểm của tác giả

- Vai trò của người trần thuật xưng "tôi":

+Vai trò người dẫn chuyện: Giới thiệu bối cảnh, miêu tả sự kiện, thể hiện cảm xúc.

+ Vai trò chứng kiến: Khảo sát, khảo cứu, thu thập dữ liệu, ghi chép và mô tả lại thông tin về lịch sử, cuộc sống của người Anh điêng: cung cấp cho người đọc những thông tin xác thực, mới mẻ, sinh động về người Anh điêng từ số phận của họ trong lịch sủ, tập quán, lối sống, hành vi, cách cư trú, ăn mặc, săn bắn, lao động….

+Vai trò người tham gia: Suy ngẫm, phân tích, tìm ra cấu trúc, bản chất, quy luật, xung đột quyền lực chìm dưới những dữ liệu bề mặt: đưa ra những nhận xét, đúc kết; *"Những lối sống cổ xưa, những kỹ thuật truyền thống tái xuất hiện, nảy sinh từ một quá khứ mà ta sẽ sai lầm khi quên mất đi sự gần gũi", "Người Anh điêng thực thụ"*

- Tác giả quan sát cuộc sống của người Anh điêng bằng cách:

+Thâm nhập thực tế, quan sát, tìm hiểu một cách hết sức cặn kẽ, chú ý đến từng chi tiết rất nhỏ.

+ Đào sâu vào quá khứ lịch sử để thấu hiểu thấu đáo thân phận của họ, suy ngẫm và phân tích để gạt bỏ những lớp vỏ hời hợt bề ngoài, tìm thấy những nguyên tắc chìm phía dưới.

+ Tác giả không chỉ quan sát bên ngoài mà còn nhìn nền văn hoá bản địa từ cái nhìn bên trong để hiểu được nguyên lý, gốc rễ của nền văn hoá ấy; đồng thời kết hợp cái nhìn đồng đại và lịch đại; cụ thể và trừu tượng.

- Thái độ:

+ Quan sát đối tượng ở cái nhìn đa chiều giúp gỡ bỏ những thiên kiến, sự đối lập giữa "tôi" và "họ", "mình" và "kẻ khác" mang lại sự hiểu biết rộng rãi, phong phú nhưng sâu sắc; một tầm nhìn rộng lớn về đối tượng

	+ Tác giả không che dấu niềm ngưỡng mộ trước vẻ đẹp, sức sống, sự tinh tế của nền văn hoá bản địa trước những cách diễn đạt đầy cảm xúc =>Lập trường và thái độ của tác giả làm nổi bật quan điểm chất vấn tư tưởng "dĩ Âu vi trung", tư tưởng thực dân, những định hướng cố hữu trong xã hội phương Tây về văn minh và tiến bộ; khẳng định sự bình đẳng và đa dạng văn hoá, bênh vực cho những tiếng nói thiểu số, kêu gọi trở về với tự nhiên.

2.3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Học sinh phân tích và đánh giá được giá trị về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

b. Nội dung:

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV.
- HS làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS làm việc cá nhân vận dụng kiến thức vừa học để hoàn thành nhiệm vụ: Nêu khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh phân tích và đánh giá được giá trị về nội dung và nghệ thuật của văn bản **B3. Báo cáo thảo luận** GV gọi 1-2 HS trình bày, HS khác bổ sung. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, chốt kiến thức.	**III. Tổng kết** **1. Nội dung** - Văn bản đã miêu tả lại cuộc gặp gỡ giữa tác giả với người Giê (Ge) - một bộ lạc da đỏ hoang dã ở Nam Bra-xin. - Từ đó, tác giả cất lên tiếng nói để bảo vệ cho sự đa dạng văn hoá, giá trị của đời sống hoang dã cũng như khẳng định vẻ đẹp và sức sống bền bỉ của những nền văn hoá cổ xưa. **2. Nghệ thuật** Tác phẩm hấp dẫn người đọc bởi văn phong tinh tế, bay bổng và phóng khoáng, vừa mang dáng dấp của một cuốn du ký, vừa là một khảo luận về triết học, dân tộc học, nhân chủng học, vừa rất giàu chất thơ.

PHIẾU HỌC TẬP

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

DỮ LIỆU TRONG VĂN BẢN THÔNG TIN **Tìm hiểu tri thức Ngữ văn**
1. Vai trò của dữ liệu trong văn bản thông tin …… ……
2. Dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp …… ……
3. Tính cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu …… ……
4. Thư từ.

…….. ……..
5. Tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ …….. ……..

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Các chi tiết miêu tả cuộc sống của người Giê dưới chế độ thực dân

Chi tiết	Chính quyền thực dân	Người Anh điêng bản xứ
Các chính sách, tập tục cư trú		
Về việc sử dụng công cụ lao động		
Về tập tục sinh hoạt		
Về cuộc sống mưu sinh		

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Phân biệt dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp

	Dữ liệu sơ cấp	Dữ liệu thứ cấp
Dữ liệu minh hoạ		
Lí giải cho việc sắp xếp dữ liệu		
Giá trị của dữ liệu		

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Rút ra được thông điệp và ý nghĩa của văn bản Pa-ra-na

b. Nội dung: Thông điệp và ý nghĩa của thông điệp trong bối cảnh ra đời của văn bản

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Thông điệp em nhận từ văn bản trên là gì? Đặt trong bối cảnh ra đời của văn bản, theo em, thông điệp có ý nghĩa như thế nào? **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát, điều hành **B3. Báo cáo thảo luận:** GV gọi 1-2 HS trả lời **B4. Đánh giá kết quả thực hiện** GV nhận xét, đánh giá về sự trình bày của HS	- Thông điệp: Bảo vệ sự đa dạng văn hóa và chống lại áp đặt. - Ý nghĩa: + Phê phán sự xâm lăng và áp đặt của chính quyền thực dân. + Khuyến khích việc bảo vệ và tôn trọng văn hóa bản địa. + Nhấn mạnh về tầm quan trọng của sự bình đẳng và tôn trọng.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học để viết một đoạn văn về mối quan hệ giữa văn minh và hoang dã

b. Nội dung: HS viết đoạn văn trình bày suy nghĩ

c. Sản phẩm: Đoạn văn hoàn chỉnh của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm việc tại lớp để lập ý tưởng, về nhà hoàn thiện đoạn văn. GV sẽ	**Đoạn văn tham khảo** Mối quan hệ giữa văn minh và hoang dã vốn luôn phức tạp và không có câu trả lời đơn giản. Một mặt, văn minh mang đến những tiến bộ về khoa học kỹ thuật,

kiểm tra sản phẩm vào giờ sau. - Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) về mối quan hệ giữa văn minh và hoang dã. HS hoàn thiện và nộp qua phần mềm google classroom **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS viết đoạn văn (thực hiện ở nhà) **B3. Báo cáo thảo luận** (Trước giờ học bài tiếp theo) GV gọi HS lên trình bày sản phẩm, GV cùng HS theo dõi, góp ý và bổ sung. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện** GV nhận xét, đánh giá về sự trình bày của HS	giúp nâng cao đời sống con người. Mặt khác, nó cũng có thể dẫn đến sự phá hoại môi trường, xói mòn bản sắc văn hóa và những giá trị truyền thống. Hình ảnh con tàu hiện đại, mang theo những sản phẩm mới lạ, tượng trưng cho văn minh phương Tây đang tràn vào vùng đất hoang sơ của người dân bản địa. Sự xuất hiện này mang đến những thay đổi to lớn, khiến họ phải đối mặt với nhiều thách thức và cơ hội mới. Văn bản "Pa-ra-na" không chỉ thể hiện sự lo lắng về những tác động tiêu cực của văn minh, mà còn cho thấy sức sống mãnh liệt của văn hóa hoang dã. "Mẹ già" trong văn bản dù lo lắng cho tương lai của văn hóa bản địa, nhưng bà vẫn tin tưởng vào khả năng thích nghi và tồn tại của nó. Qua văn bản này, chúng ta thấy rằng, không phải lúc nào văn minh và hoang dã cũng có thể phân biệt được một cách rõ ràng. Đôi khi, sự văn minh có thể làm mất đi sự tự nhiên và tính sáng tạo của hoang dã, trong khi hoang dã có thể làm mất kiểm soát và sự ổn định của văn minh. Sự cân bằng giữa hai yếu tố này là chìa khóa để tạo ra một xã hội văn minh và bền vững, nơi mà con người và tự nhiên cùng tồn tại và phát triển.. Vậy nên, chúng ta cần tiếp thu những giá trị tiến bộ của văn minh một cách có chọn lọc, đồng thời giữ gìn bản sắc văn hóa và những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

4. Củng cố:
- Tri thức Ngữ văn về dữ liệu trong văn bản thông tin.
- Những nội dung kiến thức trong phần Tri thức Ngữ văn được thể hiện trong văn bản *Pa-ra-na*

5. HDVN:
- Hoàn thành đoạn văn trong phần Luyện tập.
- Học và nắm chắc tri thức Ngữ văn
- Chuẩn bị văn bản 2: *Giáo dục khai phóng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục.*

Tiết 80. ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ 2

1.MA TRẬN

TT	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Số câu	Mức độ nhận thức						
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng % điểm
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	40%
1	**Đọc**	Văn bản thơ Hồ Chí Minh.	5	2	**15 %**	2	**20%**	1	**5%**	
2	**Viết**	Viết đoạn văn	1	**10%**		**5%**		**5%**		**20%**

		nghị luận văn học(thơ)					
		Viết bài văn nghị luận xã hội	1	**15%**	**5%**	**20%**	**40%**
Tỉ lệ				***40%***	***30%***	***30%***	**100**
Tổng			**7**	**100%**			

2. BẢNG ĐẶC TẢ .

TT	**Nội dung kiến thức/kĩ năng**	**Đơn vị kiến thức/kĩ năng**	**Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá**	**Số câu hỏi theo mức độ nhận thức**			**Tổng**
				Nhận biết	**Thông hiểu**	**Vận dụng**	
I	**ĐỌC HIỂU**	Văn bản thơ Hồ Chí Minh.	**Nhận biết:** - Chỉ ra dấu hiệu để nhận biết thể loại văn bản. - Tìm từ ngữ, hình ảnh có trong văn bản. **Thông hiểu:** - Phân tích tác dụng biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản. - Hiểu được nội dung, nghệ thuật trong văn bản… **Vận dụng:** - Rút ra được những bài học, thông điệp cho bản thân. - Nêu được quan điểm, nhận thức riêng của cá nhân.	2	2	1	40
II	**LÀM VĂN**	1.Viết đoạn nghị luận văn	**Nhận biết:** - Giới thiệu được vấn đề nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc của một				20

		học (thơ)	đoạn văn nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. **Thông hiểu**: Diễn giải về nội dung của đoạn thơ. **Vận dụng**: Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để làm rõ vấn đề nghị luận. **Vận dụng cao**: - Đánh giá được đặc sắc nội dung của đoạn thơ - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt.				
		2. Viết văn bản nghị luận xã hội(vấn đề liên quan đến tuổi trẻ-ứng xử trong GĐ và XH)	**Nhận biết:** - Xác định được vấn đề cần nghị luận. - Xác định được cách thức trình bày một văn bản nghị luận xã hội. **Thông hiểu:** -Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. **Vận dụng:** Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề cần bàn luận. **Vận dụng cao:** - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về vấn đề. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập				40

			luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh.				
Tỉ lệ				***40%***	***30%***	***30%***	***100%***
Tổng				**100%**			

I. NỘI DUNG ÔN TẬP:

1. Hình thức bài thi: tự luận
2. Thời gian: 90 phút
3. Cấu trúc đề gồm 2 phần: Đọc hiểu và Viết (Làm văn)

**** Phần I: Đọc hiểu (4.0 điểm):***

-**Ngữ liệu :** là những văn bản văn học ngoài SGK thuộc thể loại THƠ HỒ CHÍ MINH

-Yêu cầu:

+ Cần đọc, tham khảo các tác phẩm văn học thuộc thể loại thơ …

+Cần rèn luyện kĩ năng đọc- hiểu để trả lời các câu hỏi tự luận ở các mức độ nhận biết và thông hiểu.

+Cần rèn luyện kĩ năng trả lời ngắn gọn, trọng tâm câu hỏi tự luận ở mức độ vận dụng

**** Phần II: Viết (6,0 điểm):***

1. Nghị luận văn học

- *Về kiến thức:*

Kiến thức là một bài thơ không có trong sách giáo khoa Ngữ văn 12

- *Về kĩ năng: yêu cầu HS nắm được:*

Kĩ năng viết đoạn văn nghị luận phân tích vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình trong bài thơ

Dung lượng: 150 chữ

2. Nghị luận xã hội

- *Về kiến thức:*

Kiến thức là một vấn đề xã hội liên quan đến tuổi trẻ có trong chương trình Sách giáo khoa Ngữ văn 12.

- *Về kĩ năng: yêu cầu HS nắm được:*

Kĩ năng viết một bài văn nghị luận xã hội

Dung lượng: 600 chữ

II. HƯỚNG DẪN KĨ NĂNG VIẾT

A.LÍ THUYẾT

I.Viết đoạn NLVH

1. Mở đoạn: Giới thiệu bài thơ và vẻ đẹp tâm hồn nhân vật trữ tình.
2. Xác định NVTT và vẻ đẹp tâm hồn của NVTT:
3. Phân tích biểu hiện của vẻ đẹp tâm hồn.
4. Đánh giá vẻ đẹp tâm hồn được thể hiện.
5. Kết đoạn: Khẳng định, nhấn mạnh ý nghĩa vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình.

1. Mở đoạn – Giới thiệu bài thơ và vấn đề nghị luận:

- Dẫn dắt từ nhận định nghệ thuật/thơ ca/nhân vật trữ tình: chọn một câu nói hay, súc tích, liên quan đến vai trò của nhân vật trữ tình trong thơ.

- Nêu khái quát vai trò của nhân vật trữ tình:
→ Trong thơ trữ tình, nhân vật trữ tình có thể coi là người phát ngôn cho những cảm xúc, khát vọng, suy nghĩ… của tác giả.
- Giới thiệu vấn đề nghị luận:
→ Bài thơ...của tác giả.... đã thể hiện thật sâu sắc vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình.
Vd: *Trong thế giới thi ca, nhân vật trữ tình không chỉ là chủ thể cảm xúc mà còn là tấm gương phản chiếu vẻ đẹp tâm hồn của con người trước cuộc đời*. Đến với bài thơ…, nhà thơ... đã khắc họa thành công một hình tượng trữ tình với những vẻ đẹp tâm hồn đáng trân trọng (như....- có thể liệt kê hoặc không liệt kê các phẩm chất, vẻ đẹp bên trong..)

2. Xác định NVTT và vẻ đẹp tâm hồn

- Xác định ai là nhân vật trữ tình: có thể là cái tôi của chính nhà thơ, chàng trai, người chiến sĩ, người đang thể hiện cảm xúc, trạng thái tinh thần nào đó…...
- Nêu rõ vẻ đẹp tâm hồn nổi bật của nhân vật ấy: ví dụ – tâm hồn nhạy cảm, tình yêu quê hương thiết tha; lòng yêu nước, niềm khát vọng sống, sự thủy chung, ý thức trách nhiệm...

3. Phân tích từng vẻ đẹp tâm hồn (lựa chọn tiêu biểu):

→ Với mỗi biểu hiện:
- Nêu phẩm chất tâm hồn;
- Dẫn chứng thơ (trích câu thơ tiêu biểu);
- Phân tích nghệ thuật thể hiện: (tùy từng biểu hiện của mỗi vẻ đẹp tâm hồn mà lựa chọn phân tích một vài biểu hiện tiêu biểu nhất):
+ Hình ảnh thơ đặc sắc.
+ Biện pháp nghệ thuật đặc trưng (ẩn dụ, điệp từ, đối lập, hoán dụ, nhân hóa…).
+ Ngôn ngữ biểu cảm, giọng điệu trữ tình
+ Hoàn cảnh trữ tình đặc biệt/ độc đáo....
- Bình giảng, đánh giá chiều sâu cảm xúc.

4. Đánh giá chung về : NT thể hiện và ý nghĩa của vẻ đẹp tâm hồn.

* Nghệ thuật thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình
- Giọng điệu thơ: nhẹ nhàng, sâu lắng, chân thành, có chiều sâu nội tâm… giúp biểu đạt trọn vẹn cảm xúc nhân vật trữ tình.
- Hình ảnh giàu sức gợi: giúp hiện lên vẻ đẹp tâm hồn không phải bằng lời trực tiếp mà qua cảm xúc,
liên tưởng.
- Thể thơ: (có thể là thể thơ tự do, 5 chữ, 7 chữ, lục bát)... phù hợp với mạch cảm xúc trữ tình.
- Ngôn ngữ thơ: chắt lọc, biểu cảm cao, giàu giá trị biểu đạt.
↳ Nhờ nghệ thuật đặc sắc đó, hình tượng nhân vật trữ tình trở nên sống động, giàu xúc cảm.
* Giá trị tư tưởng mà vẻ đẹp tâm hồn nhân vật trữ tình mang lại:
(tùy từng VB thơ mà đánh giá các giá trị tương ứng)
- Thể hiện quan niệm sống nhân văn: yêu thương con người, sống có trách nhiệm, khát vọng hướng thiện, trân trọng cái đẹp và sự sống.

- Khơi gợi những vấn đề lớn của thời đại: như tình yêu quê hương đất nước, vai trò cá nhân trong cộng đồng, cái đẹp vượt qua khổ đau...
- Thể hiện lý tưởng sống cao đẹp: biết đau nỗi đau của người khác, khao khát dấn thân, thấu hiểu quy luật sống – mất, còn – vĩnh viễn.
- Khơi dậy sự thức tỉnh tinh thần nơi người đọc: hướng con người đến sự cảm thông, sống tử tế, biết giữ gìn và tiếp nối những điều đẹp đẽ.

Có thể nâng cao, mở rộng: vẻ đẹp ấy tiêu biểu cho hình ảnh con người Việt Nam (trong chiến tranh,
trong tình yêu, trong cuộc sống…). Vẻ đẹp tâm hồn nhân vật trữ tình trong bài thơ không chỉ là cảm xúc cá nhân mà còn là nơi gửi gắm tư tưởng thẩm mỹ sâu xa của nhà thơ về con người, cuộc đời.

5. KẾT ĐOẠN: Nhấn mạnh ý nghĩa của vẻ đẹp tâm hồn

- Khẳng định lại giá trị nhân văn của bài thơ thông qua vẻ đẹp tâm hồn nhân vật trữ tình. Không chỉ dừng lại ở cảm xúc cá nhân, vẻ đẹp ấy còn gửi gắm tư tưởng nhân văn về .....(khát vọng sống, tình yêu thương giữa con người với con người.....)
- Nhấn mạnh ý nghĩa gợi mở cho người đọc: vẻ đẹp ấy là điều con người trong cuộc sống hôm nay cần hướng tới

II.Viết bài NLXH

- Bố cục bài viết gồm ba phần:

Mở bài:	- *Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề cần nghị luận*
Thân bài:	*** Thân bài** - ***L Đ1:*** Giải thích vấn đề nghị luận -> ý nghĩa của vấn đề LĐ 2: Phân tích, chứng minh làm rõ vai trò của vấn đề (lí lẽ và bằng chứng) LĐ 3: Mở rộng ,trao đổi với quan điểm trái chiều hoặc ý kiến khác để có cái nhìn toàn diện… *LĐ 4: Bài học nhận thức và hành động của bản thân*
Kết bài:	Khái quát lại vấn đề nghị luận

III.ĐỀ THAM KHẢO

I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (*4,0 điểm*) Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Trong tù không rượu cũng không hoa,
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ.
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.
(Ngắm trăng, Hồ Chí Minh)

Câu 1. Chỉ ra dấu hiệu để nhận biết thể thơ phần phiên âm của văn bản.
Câu 2. Nêu các hình ảnh nói về thiên nhiên trong bài thơ?
Câu 3. Phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ nhân hóa được sử dụng trong câu thơ: *Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*
Câu 4.Tâm trạng của nhân vật trữ tình được thể hiện như thế nào trong bài hơ?
Câu 5. Từ bài thơ, anh/chị hãy nêu suy nghĩ bản thân về trách nhiệm của thế hệ trẻ hiện nay?

II. PHẦN VIẾT (6,0 *điểm)*

Câu 1. (*2,0 điểm*)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) phân tích vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật trữ tình bài thơ phần Đọc hiểu

Câu 2. (4.0 điểm)

Có ý kiến cho rằng:

"Tuổi trẻ hôm nay có thể dành hàng giờ lướt điện thoại mỗi ngày, nhưng lại hiếm khi dành đủ thời gian để lắng nghe và thấu hiểu những người thân bên cạnh."

Viết bài văn nghị luận (*khoảng 600 chữ*) trình bày suy nghĩ về việc cần làm gì để tìm lại sự kết nối với gia đình của người trẻ hiện nay.

TIẾT 81, 82: kiểm tra giữa kì

Tiết 83,84.VĂN BẢN 2:

GIÁO DỤC KHAI PHÓNG Ở VIỆT NAM NHÌN TỪ ĐÔNG KINH NGHĨA THỤC

I. MỤC TIÊU
1. Về kiến thức:
- Thông tin và dữ liệu
- Vai trò của dữ liệu đối với đời sống nhân loại đương đại
- Tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ
- Hiểu biết về giáo dục khai sáng ở Việt Nam
- Hiểu biết về phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục
- Văn bản thông tin có kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ.

2. Về năng lực:
- Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản Giáo dục khai sáng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục, đánh giá được thái độ quan điểm của người viết về Đông Kinh Nghĩa Thục.
- Chỉ ra bố cục mạch lạc của văn bản.
- Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp, phân tích được vai trò của dữ liệu trong việc thể hiện thông tin, đánh giá được tình mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản.
- So sánh được hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ.

3. Về phẩm chất:
- Trân trọng, giữ gìn đối với những di sản của quá khứ.
- Bồi đắp lòng biết ơn, niềm tự hào dân tộc qua những di sản ấy.
- Tạo ra những công dân có trách nhiệm: Giáo dục khai phóng giúp học sinh hiểu biết về các vấn đề toàn cầu và có khả năng suy nghĩ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU
1. Thiết bị dạy học: SGK, SGV ngữ văn 12, tập 2. KHBD, phiếu học tập...
2. Học liệu: Tranh ảnh, các phụ liệu, dụng cụ học tập (thực hiện trò chơi), tài liệu liên quan đến bài học**.**

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC
1. Tổ chức
2. Kiểm tra bài cũ:
? Dữ liệu trong văn bản thông tin là gì?
? Có mấy loại dữ liệu ?
? Anh/chị rút ra được kiến thức gì sau văn bản 1 " Pa-ra-na" (trích *Nhiệt đới buồn*)
3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Huy động kiến thức đã có của học sinh về nội dung liên quan đến các tác phẩm, tạo hứng thú cho học sinh tìm hiểu bài học.
b. Nội dung:
- Chia sẻ những hiểu biết khái quát của bản thân về phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục
c. Sản phẩm:
- Câu trả lời của học sinh sau khi đã tìm hiểu trước khi đến lớp

Dự kiến: **Đông Kinh Nghĩa Thục** (chữ Hán: 東京義塾;[1] lập ra từ tháng 3 năm 1907 và chấm dứt vào tháng 11 năm 1907) là một phong trào nhằm thực hiện cải cách xã hội Việt Nam vào đầu thế kỷ 20 trong thời Pháp thuộc. Mục đích của phong trào là: khai trí cho dân, phương tiện

được hoạch định: mở những lớp dạy học không lấy tiền (để đúng với cái tên 'nghĩa thục' - trường tư thục vì việc nghĩa) và tổ chức những cuộc diễn thuyết để trao đổi tư tưởng cùng cổ động trong dân chúng.[2]

Đầu thế kỷ 20, Pháp hầu như đã hoàn thành quá trình bình định, dẹp yên các cuộc khởi nghĩa yêu nước bên trong Việt Nam (chỉ còn phong trào Khởi nghĩa Yên Thế của Đề Thám còn đang hoạt động, nhưng chỉ ở diện hẹp và bị dập tắt hoàn toàn vào năm 1913). Cùng với việc mở rộng quá trình thực dân hoá, tư bản hóa nhằm khai thác thuộc địa một cách hiệu quả nhất, những cơ sở đầu tiên của kinh tế tư sản bắt đầu phát triển trên toàn lãnh thổ Việt Nam, đặc biệt là ở Bắc Kỳ và Nam Kỳ. Song song với sự phát triển kinh tế, những tư tưởng tư bản cũng du nhập và phát triển bên trong Việt Nam. Các nhà nho có tư tưởng tiến bộ nhận thức được sự yếu kém của quốc dân, chứng kiến nước Nhật Bản duy tân mà thắng đế quốc Nga đã quyết định phải thay đổi tư tưởng, cách thức học tập trong nước nhằm mục đích tự cường hy vọng một cuộc đổi mới. Đồng thời học tập từ thất bại của cuộc cải cách của nhóm Lương Khải Siêu và Khang Hữu Vi khởi xướng ở Trung Quốc. Tháng 3 năm 1907, Đông Kinh Nghĩa Thục bắt đầu được khai giảng ở phố Hàng Đào, Hà Nội.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập cụ thể **- GV giao nhiệm vụ học tập cho học sinh trước khi đến lớp thành 4 nhóm học tập.** * Nhóm 1 (tổ 1): Thu thập các tài liệu đã có từ trước trên sách báo, truyền thông, internet...về phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục) * Nhóm 2 (tổ 2): Thu thập các tranh, ảnh đã có từ trước trên sách, báo, internet... về phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục. * Nhóm 3 (Tổ 3): Thực hiện các cuộc phỏng vấn nhỏ có ghi chép về những hiểu biết của người dân về phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục. * Nhóm 4 (Tổ 4): Thực hiện thử cuộc khảo sát theo biểu mẫu chuẩn bị sẵn để thu thập thông tin của người dân về phong trào Đông kinh Nghĩa Thục. Gợi ý các câu khảo sát cho nhóm 4: 1. bạn có biết gì về phong trào Đông kinh nghĩa Thục? Có - Không 2. Ai là người lãnh đạo Phong trào ĐKNT ? gợi ý 4 từ **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - Các nhóm trưng bày sản phẩm cùng một lúc ngắn gọn lên bảng. **B3. Báo cáo thảo luận:** - Các nhóm cử đại diện 1 người lên thuyết minh ngắn gọn sản phẩm. (thực hiện mỗi nhóm 2 p) **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - Các nhóm đánh giá, góp ý nhau về các sản phẩm và Gv dẫn dắt vào bài học. (3 p)	- Học sinh trình sản phẩm theo nhóm đáp ứng kiến thức các câu hỏi 1,2 sgk ngữ văn 12/ tr74 tập 2.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- Phân tích thông tin cơ bản của văn bản, đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết.
- Chỉ ra được bố cục và mạch lạc của văn bản.
- Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp, phân tích được vai trò của dữ liệu trong việc thể hiện thông tin, đánh giá được tình mới mẻ độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản

b. Nội dung: Phân loại sản phẩm đã chuẩn bị ở trên để củng cố tri thức ngữ văn qua các câu hỏi sau?

? 1. Các kí hiệu, hình ảnh, âm thanh, chữ viết,... trên được gọi là gì trong văn bản thông tin? Dự kiến TL: *Dữ liệu*

? 2. Phân loại đâu là dữ liệu thứ cấp và đâu là sơ cấp trong sản phẩm của các anh/ chị. Dự kiến TL: *Dữ liệu sơ cấp (thu thập trực tiếp, tồn tại dưới dạng ghi chép, số liệu điều tra...) Dữ liệu thứ cấp (thu thập gián tiếp từ những thông tin đã có từ trước (gốc) trên các phương tiện khác nhau)*

? 3. Tại sao chúng ta ngoài việc phải thu thập gián tiếp dữ liệu thông tin thì phải bằng hình thức phỏng vấn hoặc phiếu khảo sát trực tiếp? Dự kiến TL: *Vì để đánh giá tính cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu từ đó phát huy tôn trong và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.*

c. Sản phẩm:

- Các em làm việc cá nhân suy nghĩ và trả lời bằng lời nói cụ thể theo từng câu hỏi.
- Gv và các học sinh khác nhận xét, đánh giá, góp ý
- Gv chốt kiến thức để dẫn dắt vào bài học.: *Nếu văn bản **Pa-ra-na** của Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rốt là một ghi chép dân tộc học, với ngôn ngữ giàu chất thơ và cái nhìn mang đậm tính chủ quan của người viết, thì văn bản **Giáo dục khai phóng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục** là một văn bản mang tính chất khảo cứu lịch sử,sử dụng nhiều dữ liệu thứ cấp, được trích dẫn từ những nguồn tư liệu quý hiếm và có giá trị. lại tương đối khách quan, sử dụng ngôn ngữ chính xác, mang tính chất khoa học,trong đó tác giả rất hạn chế việc bộc lộ thái độ, quan điểm của mình. Cùng là văn bản thông tin nhưng có nhiều điểm khác biệt như thế nào chúng ta cùng nhau khám phá.*

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
A. Đọc:
1. Tác giả:
1.1. Thực hiện nhiệm vụ 1
- Tìm hiểu thêm sau bài học các kiến thức về Tác gia Nguyễn Nam. (phần này về nhà, hôm sau trả sản phẩm)
2. Văn bản:
2.2 Yêu cầu học sinh đọc văn bản và thực hiện nhiệm vụ: Hoàn thành bảng thông tin (phiếu học tập 1) kiến thức văn bản sau:
<table>
<tr><td>Chủ đề văn bản</td><td></td></tr>
<tr><td>Cấu trúc văn bản</td><td></td></tr>
<tr><td>Mục đích, tôn chỉ của văn bản</td><td></td></tr>
</table>
</td><td>
I. Tìm hiểu chung
1. Tác giả: Nguyễn Nam - 1961
Quê quán: Hà Tây - Hà Nội
Chuyên nghiên cứu chuyên sâu về các lĩnh vực lịch sử tư tưởng, văn chương và Điện ảnh Dông Á.
2. Văn bản: Hoàn thành thông tin văn bản theo bảng sau:
<table>
<tr><td>Chủ đề văn bản</td><td>Giáo dục khai phóng và vai trò tiên phong của Đông Kinh Nghĩa Thục trong việc đề xướng và thực hiện giáo dục khai phóng tại Việt Nam vào đầu thế kỷ 20.</td></tr>
<tr><td>Cấu trúc văn bản</td><td>- Phần mở: Giới thiệu bối cảnh lịch sử, xã hội Việt Nam đầu thế kỷ 20 và vai trò của Đông Kinh Nghĩa Thục
- Phần thân: Phân tích các khía cạnh của giáo dục khai phóng được thể hiện tại Đông Kinh Nghĩa Thục
- Phần kết: Khẳng định giá trị và ảnh hưởng của Đông Kinh Nghĩa Thục đối với sự phát triển của giáo dục</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

Nội dung chính của văn bản	
Giá trị ảnh hưởng của văn bản.	

B3. Báo cáo thảo luận và sản phẩm.
- Học sinh có thể trả lời theo nhóm hoặc độc lập.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Học sinh đánh giá, nhận xét, góp ý... lẫn nhau và giáo viên cung cấp đáp án bảng thông tin.

	khai phóng tại Việt Nam.
Mục đích, tôn chỉ của văn bản	- Mục đích và tôn chỉ giáo dục: Đề cao vai trò của con người, hướng đến giải phóng dân trí, bồi dưỡng nhân tài, canh tân đất nước.
Nội Dung chính của văn bản	Đông Kinh Nghĩa Thục: Trường học tư thục đầu tiên tại Việt Nam do Phan Bội Châu và các đồng chí sáng lập vào năm 1907, là trung tâm của phong trào Duy Tân và đóng vai trò tiên phong trong việc đề xướng và thực hiện giáo dục khai phóng.
Giá trị ảnh hưởng của văn bản.	-Góp phần thúc đẩy sự phát triển của giáo dục Việt Nam đầu thế kỷ 20. -Là nguồn cảm hứng cho các phong trào giáo dục khai phóng sau này.

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. **Mục tiêu**: HS xác định được chủ đề, nội dung chính, các dữ liệu thông tin và cách trình bày; phân tích các yếu tối phi ngôn ngữ & tác dụng.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1, 2 **B1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập** - Sắp xếp thông tin trong văn bản. ?1. Các mục in đậm trong văn bản có tác dụng gì ? Nhận xét trình tự sắp xếp thông tin trong văn bản? ?2. Xác định nội dung chính của văn bản? **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS suy nghĩ & trả lời các câu hỏi. **B3. Báo cáo thảo luận:** GV gọi 1-2 HS trả lời độc lập **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Dự kiến trả lời: Các mục in đậm trong văn bản có tác dụng nêu vấn đề chính sẽ được triển khai trong đoạn đó. - Nhận xét: Các thông tin được sắp xếp theo tầm quan trọng của vấn đề.	**II. Khám phá văn bản** **1. Chủ đề văn bản** Giáo dục khai phóng và vai trò tiên phong của Đông Kinh Nghĩa Thục trong việc đề xướng và thực hiện giáo dục khai phóng tại Việt Nam vào đầu thế kỷ 20. **2.Nội dung chính của văn bản:** Đông Kinh Nghĩa Thục: Trường học tư thục đầu tiên tại Việt Nam do Phan Bội Châu và các đồng chí sáng lập vào năm 1907, là trung tâm của phong trào Duy Tân và đóng vai trò tiên phong trong việc đề xướng và thực hiện giáo dục khai phóng
Nhiệm vụ 3. Điểm then chốt trong văn bản **B1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập** Theo tác giả điểm then chốt trong Đông Kinh Nghĩa Thục là gì? Tác giả sử dụng những dữ liệu nào để làm rõ điều này? **B2. Thực hiện nhiệm vụ** HS suy nghĩ & trả lời các câu hỏi.	**3. Điểm then chốt trong văn bản:** - Vận hành từ dưới lên trên, bắt nguồn từ dân chúng, do dân sĩ đề xướng, theo định hướng độc lập dân tộc; khát vọng yêu nước, mong cầu về tri thức, tư duy và dân chủ phá bỏ sự kìm hãm trì trệ xã hội thuộc địa và dân chủ Việt Nam đầu thế kỷ XX.

<table>
<tr>
<td>
B3. Báo cáo thảo luận:
GV gọi 1-2 HS trả lời độc lập
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
GV nhận xét, chốt kiến thức.
</td>
<td>
- Các dữ liệu làm rõ điểm then chốt:
+ Sách ĐKNT của Đào Trinh Nhất đã bị cấm lưu hành khắp cõi An Nam sau vài tháng phát hành.
+ Khảo cứu " Đời Cách Mệnh" của Phan Bội Châu bị cấm giới thiệu, lưu hành, bày ban1tre6n toàn cõi An Nam từ tháng 3 - 1938
+ Các bài viết của cụ Hoa Bằng Hoàng Thúc đã rải rác trên báo chí đến năm 1945 biên soạn thành sách Đông Kinh Nghĩa Thục thì lại bị thất lạc khỏi tay người soạn. Sau hơn chục năm hoàn thành bản thảo khác nhưng vẫn chưa được in chính thức.
</td>
</tr>
<tr>
<td>
Nhiệm vụ 4. Đặc điểm của giáo dục khai phóng.
B1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập
Yêu cầu hoàn thành sơ đồ về đặc điểm của giáo dục khai phóng?
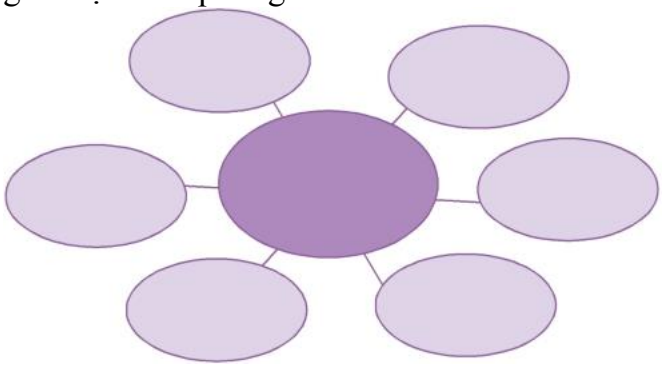
B2. Thực hiện nhiệm vụ
HS suy nghĩ, hoàn thành sơ đồ
B3. Báo cáo thảo luận:
GV gọi đại diện 1-2 HS báo cáo sản phẩm
Các học sinh khác nhận xét, bổ sung.
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
GV nhận xét, chốt kiến thức.
Dự kiến sản phẩm:
1. Chia trường học thành 3 cấp: Tiểu, Trung, Đại học
2. Dạy học khoa học thưởng thức và công nghễ thường thức
3. Giảng dạy bằng tiếng Pháp, Hán, Việt
4. Thực nghiệm để sẵn sàng mở khắp 3 kì
5. Dạy miễn phí, cấp sách, vở, giấy bút
6. Diễn thuyết công khai 1 tuần 1 lần
</td>
<td>
4. Đặc điểm của giáo dục khai phóng.
- Chia trường học thành 3 cấp: Tiểu, Trung, Đại học
- Dạy học khoa học thưởng thức và công nghệ thường thức
- Giảng dạy bằng tiếng Pháp, Hán, Việt
- Thực nghiệm để sẵn sàng mở khắp 3 kì
- Dạy miễn phí, cấp sách, vở, giấy bút
- Diễn thuyết công khai 1 tuần 1 lần.
</td>
</tr>
<tr>
<td>
Nhiệm vụ 5. Yếu tố phi ngôn ngữ
B1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập
Bức ảnh 1: Căn nhà riêng của cụ Lương
</td>
<td>
5. Yếu tố phi ngôn ngữ
<table>
<tr><th>Các phương</th><th>Tác dụng</th></tr>
</table>
</td>
</tr>
</table>

<table>
<tr>
<td>
Văn Can
Câu hỏi:
-Bức ảnh được sử dụng nhằm mục đích gì?
- Có chi tiết nào em ấn tượng, cung cấp thông tin cho em về xã hội VN
- Em đánh giá như thế nào về vai trò của cụ Lương Văn Can đối với pt
Bức ảnh 2:
Câu hỏi:
-Em biết gì về nhân vật được đề cập ở trang bìa (quê quán, lịch sử hoạt động,...)
-Qua bìa sách em biết thêm điều gì về ngành xuất bản của Việt Nam thời bấy giờ
Bức ảnh 3:
Câu hỏi:
- Quyết định cấm các tác phẩm về ĐKNT cho em thấy điều gì về chính trị xã hội đầu thế kỷ 20?
- Em đánh giá như thế nào về những nguồn dữ liệu này?
Yêu cầu hoàn thành phiếu học tập
B2. Thực hiện nhiệm vụ:
HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi vào phiếu bài tập.
B3. Báo cáo thảo luận:
GV gọi đại diện HS báo cáo sản phẩm, HS khác nhận xét bổ sung.
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
=> Đánh giá: các phương tiện phi ngôn ngữ không đơn thuần chỉ là minh họa làm rõ các thông tinđược biểu đạt có tiếng nói riêng có thể cung cấp nhiều thông tin quan trọng mà phương tiện ngôn ngữ không thể biểu đạt trực quan hóa thông tin. Từ đó người đọc nắm bắt thông tin đầy đủ và đa chiều.
</td>
<td>
<table>
<tr><td>tiện phi ngôn ngữ trong văn bản:</td><td></td></tr>
<tr><td>- Hình ảnh 1 Căn nhà số 4, nhà riêng của cụ Lương Văn Can

- Hình ảnh 2, 3 về cuốn sách ĐKNT của Đào Trinh Nhất và quyết định cấm 2 tác phẩm ĐKNT và ĐCM của Phan Bội Châu và Đào Trinh Nhất.</td><td>=> Giúp chúng ta hình dung trực quan về xã hội Việt nam đầu thế kỉ XX. Đồng thời góp phần khẳng định vai trò quan trọng của cụ Lương Văn Can với Đông Kinh Nghĩa Thục. (Hình ảnh gắn chặt với nội dung)
=> Giúp ta hiểu về hình thức xuất bản của một cuốn sách đương thời, Tiếp cận chân dung của Giám học Nguyễn Quyền, các nội dung xuất bản với hai cuốn sách. (Hình ảnh gắn chặt với nội dung)</td></tr>
</table>
</td>
</tr>
<tr>
<td>
Nhiệm vụ 6: Thái độ của tác giả
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
? Tìm những nhận xét đánh giá của tác giả
? những nhận xét, đánh giá đó có được chứng minh làm rõ bằng các dữ liệu khách quan đáng tin cậy và lập luận logic hay không? Chỉ ra logic lập luận của tác giả?
? Liệu văn bản có hoàn toàn khách quan không? Vì sao?
B2. Thực hiện nhiệm vụ
HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi vào phiếu bài tập.
B3. Báo cáo thảo luận:
GV gọi đại diện HS báo cáo sản phẩm, HS khác nhận xét bổ sung.
B4. Đánh giá kết quả thực hiện
</td>
<td>
6. Thái độ của tác giả
- Những nhận xét, đánh giá của tác giả:
+ĐKNT là sự tích hợp những thành tựu cải cách Giáo dục Đông - Tây..
+ Tời gian tồn tại ngắn ngủi của ĐKNT …tỉ lệ cực đại…
-> Được làm rõ bằng các dữ liệu khách quan (dữ liệu thứ cấp có được từ những nguồn tài liệu đáng tin cậy, có chú thích rõ nguồn gốc). Ngoài ra tác giả còn cung cấp các thông tin dưới dạng ảnh chụp -> gia tăng độ tin cậy của thông tin.
=> Văn bản khách quan mang tính
</td>
</tr>
</table>

GV nhận xét, chốt kiến thức.	chất khảo cứu lịch sử. => Thái độ lập trường của tác giả: đề cao vị trí và đóng góp của Đông Kinh Nghĩa Thục trong lịch sử, thể hiện gián tiếp thái độ ủng hộ đối với giáo dục khai phóng.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Củng cố lại nội dung tri thức
- Khám phá luyện tập thêm tri thức tiếng việt

b. Nội dung: HS làm bài tập cá nhân.

c. Sản phẩm: bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ về một dữ liệu gây ấn tượng mạnh mẽ với bạn trong văn bản giáo dục khai phóng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS có thể thực hiện tại lớp (nếu đủ thời gian), hoặc GV có thể giao bài về nhà. **B3. Báo cáo thảo luận:** GV gọi đại diện 1-2 bài chấm chữa. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, định hướng cho HS cách viết.	**III.LUYỆN TẬP** Một dữ liệu gây ấn tượng mạnh mẽ với tôi trong văn bản "Giáo dục khai phóng Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục" là tỷ lệ học sinh nữ theo học tại Đông Kinh Nghĩa Thục. Theo ghi chép, trong số 120 học sinh ban đầu, có tới 30 học sinh nữ, chiếm 25% tổng số học sinh. Con số này thực sự nổi bật so với bối cảnh xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX, khi giáo dục vẫn còn là đặc quyền của nam giới. Tỷ lệ học sinh nữ cao tại Đông Kinh Nghĩa Thục cho thấy tầm nhìn tiến bộ và sự quan tâm đến bình đẳng giới của những người sáng lập trường học. Họ nhận thức được vai trò quan trọng của giáo dục đối với phụ nữ trong việc nâng cao vị thế xã hội và góp phần vào sự phát triển của đất nước. Dữ liệu này cũng phản ánh tinh thần khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thục, nơi học sinh được khuyến khích tư duy độc lập, sáng tạo và phá vỡ những rào cản truyền thống. Việc mở cửa cho học sinh nữ theo học là một hành động táo bạo và góp phần đặt nền móng cho sự thay đổi trong quan niệm về giáo dục và vai trò của phụ nữ trong xã hội Việt Nam. Tỷ lệ học sinh nữ cao tại Đông Kinh Nghĩa Thục là một minh chứng cho sức mạnh của giáo dục trong việc thúc đẩy bình đẳng giới và tạo ra những thay đổi xã hội tích cực. Dữ liệu này tiếp tục truyền cảm hứng cho chúng ta trong việc đấu tranh cho một xã hội công bằng và bình đẳng hơn cho tất cả mọi người. *(Tham khảo nguồn: Internet)*

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng các kiến thức đã học trong bài để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.
d. Tổ chức thực hiện:
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
?Từ những thông tin về ảnh hưởng, tác động của ĐKNT được trình bày trong văn bản, em nhận ra điều gì về tác động, ảnh hưởng của giáo dục đối với đời sống văn hóa, xã hội và tương lai của đất nước? Giáo dục khai phóng khác giáo dục truyền thống chỗ nào? Liệu giáo dục khai phóng có thực sự tiến bộ, ưu việt và phù hợp với thời đại?
B2. Thực hiện nhiệm vụ:
B3. Báo cáo thảo luận
- Giáo dục khai phóng là một mô hình giáo dục hiện đại, thường được cho là khởi nguồn từ phương Tây thời kì khai sáng và thịnh hành ở Mỹ. Tuy nhiên việc khẳng định Đông Kinh Nghĩa Thục là mô hình tiêu biểu cho giáo dục khai phóng đã nhấn mạnh tính chất hiện đại, thậm chí đi trước thời đại của ĐKNT, cho thấy khả năng bắt nhịp với thế giới của giáo dục VN vào đầu TKXX. Đồng thời khẳng định giáo dục khai phóng VN thời đương đại đã bắt rễ trong lịch sử
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, định hướng cho HS.
4. Củng cố: HS đọc lại văn bản, ôn tập lại những đặc trưng trong phần tri thức ngữ văn được thể hiện qua văn bản.
5. HDVN:
- HS đọc lại văn bản.
- Chuẩn bị bài "Đời muối"

Tiết 85 .VB 3:

ĐỜI MUỐI

(Trích Đời muối: Lịch sử thế giới)

- Mác Kơ-len-xki (Mark Kurlansky) -

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực :
- Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng đã có từ việc đọc văn bản 1 và văn bản 2 để thực hành phân tích được thông tin cơ bản của văn bản *Đời muối*, đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết, chỉ ra được bố cục và mạch lạc của văn bản.
- Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp; phân tích được vai trò của dữ liệu trong việc thể hiện thông tin, đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản *Đời muối*.
- So sánh, đánh giá hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để viết một đoạn văn liên quan đến nguyên nhân của các cuộc chiến tranh và đọc hiểu một văn bản thông tin mới.

2 . Phẩm chất

- Trân trọng lịch sử; có cái nhìn đa chiều, sâu sắc về lịch sử

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Máy tính, máy chiếu đa năng (Ti vi)

2. Học liệu:

- SGK, tài liệu tham khảo
- Tư liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, tranh, video liên quan.
- Phiếu học tập: HS chuẩn bị các phiếu học tập ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- HS quan sát hình ảnh một số bìa cuốn sách sau:

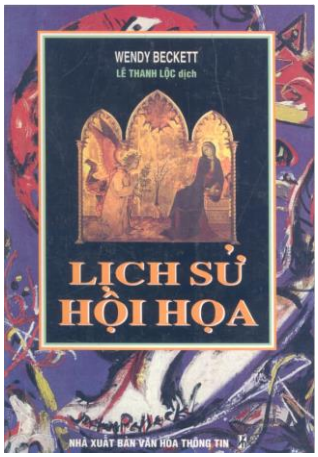

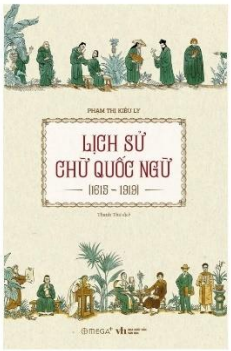

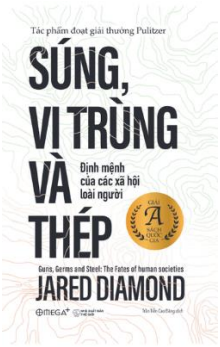

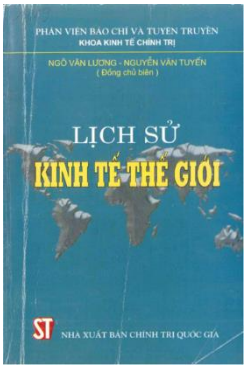

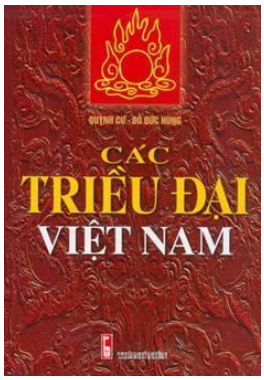

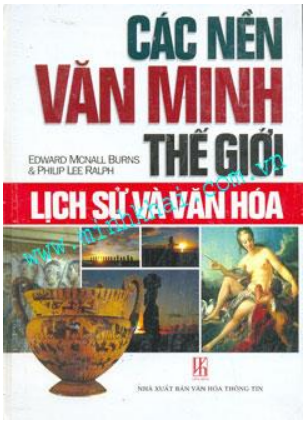

- Trên đây là bìa của một số cuốn sách về lịch sử. Dựa vào những hình ảnh trên và kiến thức của mình. Theo bạn, chúng ta có thể tiếp cận lịch sử bằng những cách nào?

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ và trả lời các câu hỏi.

- GV quan sát, khích lệ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi một số HS phát biểu.

=> **Dự kiến sản phẩm:** Chúng ta có thể tiếp cận lịch sử bằng nhiều cách khác nhau: qua các cuộc chiến tranh, qua sự biến đổi và tiếp nối của các triều đại, các cuộc cách mạng, tiến trình phát triển kinh tế, qua hội họa, chữ viết, các nền văn minh,…

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV dẫn dắt vào bài: Tiến trình lịch sử nhân loại là những trang sách nối dài có điểm bắt đầu nhưng chưa có điểm kết thúc. Để góp phần tạo nên những trang sách đó, mỗi yếu tố trong nhân loại này đều đóng góp những vai trò nhất định. Ngoài những yếu tố kể đến ở trên thì muối – một nhân tố nhỏ bé nhưng lại chứa đựng trong mình những kiến thức kì diệu, thú vị về lịch sử. Để hiểu rõ hơn về điều này, cô trò chúng ta cùng đi tìm hiểu bài học ngày hôm nay: *Đời muối* (trích *Đời muối: Lịch sử thế giới)* của tác giả Mác Kơ-len-xki.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Đọc và tìm hiểu chung về văn bản

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết được những nét chung về tác giả, văn bản

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về văn bản để thực hiện mục tiêu đề ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân tìm hiểu khái quát về văn bản.

d.Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
2.1. Đọc và tìm hiểu chung về văn bản. **2.1.1 Đọc** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV nêu yêu cầu: - GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản: giọng đọc to, rõ ràng, cảm nhận giọng điệu kể chuyện chậm rãi, thong dong của tác giả trong văn bản. - Gọi một vài HS đọc một số đoạn quan trọng. - Lưu ý: HS cần kết hợp đọc với làm theo hướng dẫn trong thẻ bên phải tuyến sách và chú ý phần chú thích để hiểu rõ thêm về văn bản. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc VB - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo sản phẩm:** HS đọc văn bản **Bước 4: Đánh giá, kết luận**	**I. ĐỌC - TÌM HIỂU CHUNG** **1. Tác giả Mác Kơ-len-xki** - Sinh năm 1948. - Là nhà báo và nhà văn người Mỹ. - Tác phẩm tiêu biểu: *Khi loài cá biến mất* (1997), *Đời muối: Lịch sử thế giới* (2002), *Giấy: Lật giở từng trang sử* (2016), *Cá hồi và trái đất: Lịch sử của một số phận bình thường (2020),…* - Thông qua việc khảo sát lịch sử những vật dụng thường nhật hay các mặt hàng quan trọng, phổ biến, các cuốn sách của ông mang lại một góc nhìn thú vị và mới mẻ về lịch sử loài người. **2. Văn bản**

- GV nhận xét, chốt kiến thức **2.1.2 Đọc, xác định bố cục và chủ đề chính** **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV nêu yêu cầu: HS suy nghĩ cá nhân và trả lời các câu hỏi: - Nêu xuất xứ của văn bản. - Xác định chủ đề chính, bố cục của văn bản. **Bước 2 + 3. Thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc lướt SGK, suy nghĩ, tìm câu trả lời. - GV gọi 01 HS trình bày, gọi 01 HS khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4. Đánh giá, kết luận** - GV chốt kiến thức, yêu cầu HS kẻ bảng điền thông tin vào vở.	***a. Xuất xứ***: được trích trong cuốn *Đời muối: Lịch sử thế giới,* cuốn sách khám phá hành trình của muối trong lịch sử nhân loại ***b. Chủ đề***: Thông qua hành trình của muối, tác giả thể hiện góc nhìn và quan điểm thú vị về lịch sử nhân loại. ***c. Bố cục***: 3 phần - Phần 1 (Từ đầu đến "*và dĩ nhiên ngành độc quyền nhà nước đầu tiên"):* Lịch sử nhân loại trước khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu của đời sống. - Phần 2 (Tiếp đến *"giống như nhiều loại hàng hóa khác"):* Lịch sử nhân loại sau khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu của đời sống. - Phần 3 (còn lại): Lập trường, quan điểm của tác giả về muối.

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu :

- Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản *Đời muối*, đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết, chỉ ra được bố cục và mạch lạc của văn bản.
- Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp; phân tích được vai trò của dữ liệu trong việc thể hiện thông tin, đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản *Đời muối*.
- So sánh, đánh giá hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc nhóm, báo cáo sản phẩm đã chuẩn bị trước tiết học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, PHT.

d.Tổ chức thực hiện:

PHT 01: **TÌM HIỂU THÔNG TIN, DỮ LIỆU CỦA VĂN BẢN** **HS đọc lại VB và hoàn thành sơ đồ tóm lược tiến trình lịch sử của nhân loại dựa trên vai trò của muối đối với đời sống con người:**

Lịch sử nhân loại trước khi muối trở thành nhu cầu thiết yếu của đời sống	Lịch sử nhân loại sau khi muối trở thành nhu cầu thiết yếu của đời sống
• ..... •	• ..... • .....

=> Trong tiến trình lịch sử đó, theo tác giả, muối đóng vai trò gì?

PHT 02:

TÌM HIỂU VỀ LOẠI DỮ LIỆU VÀ CÁCH SẮP XẾP DỮ LIỆU TRONG VĂN BẢN THÔNG TIN

(1) Dữ liệu được tác giả sử dụng là dữ liệu sơ cấp hay thứ cấp? Bạn cảm nhận như thế nào về mức độ chính xác, đáng tin cậy của dữ liệu?

(2) Phân tích và đánh giá cách trình bày dữ liệu của tác giả trong văn bản?

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
***Thao tác 1: Tìm hiểu đề tài, thông tin cơ**	**II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**

bản, nhan đề của văn bản **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** HS hoạt động cặp đôi, trả lời những câu hỏi sau: (1) Xác định đề tài, thông tin cơ bản, nhan đề của văn bản. (2) Nêu ý nghĩa nhan đề văn bản. Chỉ ra mối liên hệ giữa nhan đề với đề tài và thông tin cơ bản của văn bản. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận cặp đôi, suy nghĩ, trả lời câu hỏi. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** - GV mời 1 – 2 cặp đôi trả lời. - Các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức	**1. Đề tài, thông tin cơ bản, nhan đề của văn bản** - ***Đề tài***: Lịch sử nhân loại - Thông tin cơ bản: Lịch sử nhân loại gắn liền với hành trình đời muối: trước và sau khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu của đời sống. - ***Nhan đề:*** *Đời muối* => Ý nghĩa nhan đề văn bản: Nhan đề gợi lên cho người đọc liên tưởng, muối cũng giống như con người có cuộc đời, có số phận và cuộc đời, số phận ấy cũng có sự tác động đến tiến trình phát triển chung cùng với các yếu tố khác của nhân loại. Đời muối chính là hành trình của muối từ khi xuất hiện cho đến khi nó tham gia vào tiến trình lịch sử trên tất cả các phương diện từ nông nghiệp, kĩ thuật công nghiệp, giao thông,… => Nhan đề có liên quan chặt chẽ với đề tài và thông tin cơ bản của văn bản: Hành trình của muối gắn bó mật thiết với những thăng trầm của tiến trình lịch sử. Từ lịch sử của muối, ta có thể nhận ra những bài học quan trọng với thế giới đương đại.
***Thao tác 2: Tìm hiểu thông tin, dữ liệu trong văn bản** **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** HS hoạt động nhóm, hoàn thành nhiệm vụ sau: - Nhóm 1, 2: Hoàn thành PHT 01 – mục *Lịch sử nhân loại trước khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu của đời sống*. (Gợi ý: Tìm các thông tin về các sự kiện lịch sử nhân loại giai đoạn này và nhận xét chung về giai đoạn.) - Nhóm 3, 4: Hoàn thành PHT 01 – mục *Lịch sử nhân loại sau khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu* (Gợi ý: Tìm các thông tin về vai trò của muối trong lịch sử nhân loại giai đoạn này và nhận xét chung về giai đoạn.) Câu hỏi chung cho 4 nhóm: Trong tiến trình lịch	**2. Thông tin, dữ liệu trong văn bản** **a. Các thông tin, dữ liệu trong văn bản** Căn cứ vào thời gian và tầm quan trọng của muối đối với đời sống của con người, tác giả đã tóm lược lịch sử nhân loại thành hai giai đoạn: *** Trước khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu của đời sống:** - Khoảng năm 11 000 trước Công nguyên, sau khi Kỉ Băng Hà kết thúc, con người kiểm soát được loài thú săn mồi hung dữ - loài sói A-xi-a-tích và biến nó thành một phụ tá đầy trung thành – loài chó; sau đó, kiểm soát được cừu và dê để chúng có thể trở thành một nguồn thức ăn mới. - Đến khoảng năm 8900 trước Công nguyên, cừu được thuần hóa. - Vào khoảng năm 8000 trước Công nguyên, gieo

sử được tóm lược như trên, theo tác giả, muối đóng vai trò gì? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận theo nhóm, hoàn thành PHT theo yêu cầu. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** - GV mời 2 nhóm báo cáo. - Các nhóm còn lại nhận xét. Bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức.	trồng hạt ngũ cốc hoang trên những cánh đồng. - Khoảng năm 7000 trước Công nguyên, chăn nuôi lợn. - Khoảng năm 6000 trước Công nguyên, thuần hóa những con bò rừng thành gia súc - Khi chế độ ăn của con người chủ yếu bao gồm ngũ cốc và rau quả, được bổ sung thêm thịt động vật thì việc buôn bán muối trở thành thiết yếu -> Muối trở thành một trong những mặt hàng thương mại quốc tế đầu tiên, sản xuất muối trở thành một trong những ngành công nghiệp đầu tiên. => Trước khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu, lịch sử nhân loại phát triển một cách chậm chạp, gắn với sự hình thành một cách dần dần của việc thuần hóa động vật hoang dã, trồng trọt và chăn nuôi. *** Sau khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu của đời sống:** - Từ công cuộc tìm kiếm muối: chế tạo ra những cỗ máy kì quặc nhất cũng như những cỗ máy tinh xảo và khéo léo nhất. - Do nho cầu về vận tải muối: nhiều công trình công cộng vĩ đại từng được tạo ra. - Do mục đích thương mại trao đổi hàng hóa; những tuyến đường trọng yếu được lập nên. - Trong suốt chiều dài lịch sử loài người cho đến thế kỉ XX, muối được săn lùng, mua bán và tranh giành gắt gao. - Trong hàng thiên niên kỉ, muối là biểu tượng của sự giàu có. - Muối được dùng như một đơn vị tiền tệ. => Việc tìm kiếm, sản xuất, buôn bán muối đã thúc đẩy công nghiệp, thương mại, giao thông, địa chất học, hóa học phát triển, tạo nên những thay đổi lớn trong các thể chế chính trị,… => Từ cách tóm lược lịch sử này, tác giả đã khẳng định vai trò rất quan trọng của muối, cho rằng việc tìm kiếm, sản xuất, buôn bán muối là một

***Thao tác 3: Tìm hiểu loại dữ liệu và cách trình bày dữ liệu trong văn bản** **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** HS thảo luận theo nhóm bàn hoàn thành PHT 02 theo từng dãy: - Các nhóm bàn của dãy 1: Trả lời câu hỏi 1 của PHT 02. - Các nhóm bàn của dãy 2: Trả lời câu hỏi 2 của PHT 02. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận theo nhóm bàn thực hiện yêu cầu. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** - GV mời 1 - 2 nhóm báo cáo. - Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức	trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của nhân loại, tác động mạnh mẽ đến tất cả các phương diện của đời sống con người. **b. Loại dữ liệu trong văn bản** Văn bản sử dụng nhiều dữ liệu thứ cấp, trong đó: + Một số dữ liệu ghi rõ nguồn gốc, đảm bảo độ tin cậy thuyết phục: Trong chuyên luận năm 1776 về chủ nghĩa tư bản có tên *The Wealth of Nations,* A-đam Xmít đã chỉ ra rằng… + Rất nhiều dữ liệu không ghi rõ nguồn hoặc ghi nhưng chưa thật sự đầy đủ, điều này làm giảm đi tính khả tín của văn bản: ++ sự kiện Kỉ Băng Hà kết thúc vào khoảng năm 11 000 trước Công nguyên. ++ sự kiện phụ nữ vùng Cận Đông bắt đầu gieo ngũ cốc vào khoảng năm 8000 trước công nguyên ++ Tuy nhiên, vào năm 1970, một đoàn thám hiểm của Đại học Ha-oai…báo cáo rằng…(thông tin nguồn chưa đầy đủ, chưa ghi rõ báo cáo đấy trong tài liệu nào) … **c. Cách trình bày dữ liệu của tác giả trong văn bản** - Các dữ liệu được sắp xếp theo trật tự thời gian, dưới dạng một câu chuyện: + Tác giả thường mở đầu các đoạn văn bằng việc miêu tả bối cảnh: "khi các dòng sông băng tan chảy", "sau khi kỉ Băng Hà kết thúc";… + Các nhân vật lần lượt hiện lên trong câu chuyện: "Trong khoảng thời gian này, sói A-xi-a-tích (Asiatic) […] dần dần bị con người kiểm soát"; "những cánh đồng ngũ cốc hoang dã rộng lớn dần xuất hiện";… + Các sự kiện cũng được sắp xếp theo chuỗi nhân quả, với những đoạn diễn tiến, thắt nút, mở nút, những tình tiết bất ngờ: "Và thế là, một kẻ thù nguy hiểm đã hóa thành một phụ tá trung thành và tận tâm – loài chó".

***Thao tác 4: Tìm hiểu góc nhìn và quan điểm của tác giả về lịch sử** **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** HS hoạt động cặp đôi, thảo luận trả lời câu hỏi: + Góc nhìn và quan điểm của tác giả về lịch sử có gì độc đáo so với những văn bản lịch sử mình đã học hoặc thường gặp. + Việc tiếp cận lịch sử dưới góc nhìn trên có ý nghĩa gì? Nêu ví dụ minh họa. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận theo cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**	+ Lời kể chậm rãi, như lời kể trong các câu chuyện thần thoại, truyền thuyết: "Khoảng năm 11 000 trước Công nguyên, sau khi Kỉ Băng Hà kết thúc, những tảng băng khổng lồ bao phủ phần lớn thế giới […] bắt đầu thu hẹp lại và dần tan biến"; "Nhưng chẳng bao lâu sau, các bộ lạc sinh sống gần những cánh đồng này nhận ra rằng";… => Cách sắp xếp các dữ liệu lịch sử theo mô hình truyện kể này tạo nên sức hấp dẫn, sinh động cho văn bản, kích thích trí tưởng tượng của người đọc, khiến toàn bộ lịch sử nhân loại lần lượt hiện lên như trong một bộ phim, đồng thời cũng giúp người đọc dễ dàng nắm bắt và ghi nhớ những thông tin chính trong văn bản. **3. Góc nhìn và quan điểm của tác giả về lịch sử** - Tác giả đã nhìn lịch sử nhân loại dựa trên lăng kính quy chiếu là lịch sử của muối – một yếu tố được coi là không có ý nghĩa, giá trị gì trong dòng chảy lịch sử của nhân loại -> đây là một góc nhìn độc đáo về lịch sử so với các văn bản lịch sử thông thường. - Khi quan sát lịch sử của nhân loại qua những thăng trầm trong số phận của muối, tác giả đã tạo ra một cách phân kì lịch sử khác, nhìn lịch sử nhân loại từ một góc độ khác, nhìn ra những quy luật khác của lịch sử và đặt ra.

- GV mời 1 - 2 cặp đôi báo cáo. - Các cặp đôi còn lại nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận:** GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức *GV mở rộng: - Sự độc đáo trong góc nhìn và quan điểm của tác giả thể hiện ở chỗ: Các VB lịch sử thường ghi chép lại các sự kiện liên quan đến những bước ngoặt lớn của nhân loại: chiến tranh, cách mạng, phát triển địa lí, thành tựu khoa học,...đây được coi là những dấu mốc quan trọng để phân kì lịch sử. Còn trong VB, tác giả tiếp cận lịch sử nhân loại qua lịch sử của muối. - Ví dụ minh họa về việc tiếp cận lịch sử qua góc nhìn lịch sử của muối: Khi nhìn nguyên nhân của các cuộc chiến tranh, khởi nghĩa, cách mạng và sự hình thành các triều đại mới do sự tranh giành gắt gao muối -> tác giả nhận ra sự phù phiếm của chiến tranh, bạo lực, xung đột và chất vấn những hình thái chính trị đương đại, khi nhận ra cuộc tranh giành dầu mỏ của các quốc gia đương đại cũng vô nghĩa chẳng khác nào cuộc trang giành muối trong lịch sử nhân loại.	

2.3. Tổng kết

a. Mục đích: HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV nêu yêu cầu: Trong vòng một phút, hãy làm việc cặp đôi và ghi lại những nét đặc sắc nhất về nội dung; nghệ thuật của bài viết và trình bày trong 1 phút. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thực hiện theo cặp đôi. Ghi lại những nét đặc sắc về nội dung, nghệ thuật - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó	**III. TỔNG KẾT** **1. Về nội dung** Thông qua hành trình lịch sử của muối, tác giả thể hiện một góc nhìn độc đáo về lịch sử nhân loại. Từ đó, cho thấy vai trò quan trọng, thiết yếu của muối đối với đời sống con người, cũng như đặt ra những chất vấn khác về các vấn đề khác của lịch sử. **2. Về nghệ thuật**

khăn). **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.** - Đại diện cặp đôi trình bày trong 1 phút. - Các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt kiến thức.	- Ngôn ngữ khoa học, chính xác: Văn bản sử dụng ngôn ngữ khoa học, chính xác để trình bày những kiến thức về lịch sử, địa lý, khảo cổ học. - Các thông tin được sắp xếp theo một trình tự hợp lý, từ quá khứ đến hiện tại, từ khái quát đến chi tiết. - Cách kể chuyện hấp dẫn, lôi cuốn.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS tham gia trả lời câu hỏi, củng cố kiến thức bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi:

Câu 1: Theo bạn, tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì qua văn bản?

Câu 2: Nếu cần bổ sung phương tiên phi ngôn ngữ để tăng sức thuyết phục của văn bản, bạn sẽ bổ sung phương tiện nào? Lí giải về sự lựa chọn đó.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp.

Bước 3 – 4. GV mời 1 – 2 HS trả lời và GV kết luận.

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: Văn bản gợi đến cho chúng ta một số thông điệp sau:

- Từ vai trò thiết yếu của muối – một sản phẩm nhỏ bé nhưng vô cùng thiết yếu của thế hệ trước để lại, chúng ta cần trân trọng những giá trị văn hóa và biết ơn những thế hệ đi trước đã tạo dựng cuộc sống tốt đẹp cho chúng ta.
- Truy cầu tiền tài vật chất đến lúc nào đó sẽ trở thành nỗi ám ảnh không có thực, chỉ có tình yêu là bền vững theo năm tháng, Vì vậy hãy trân trọng tình yêu thương – giá trị vững bền trong cuộc sống mỗi con người.

Câu 2: HS có thể lựa chọn bổ sung các phương tiện phi ngôn ngữ:

- Sơ đồ biểu thị tiến trình lịch sử của nhân loại theo trật tự thời gian.
- Hình ảnh cho các thông tin tiêu biểu về hành trình đời muối.
- Có thể sử dụng số liệu, đặc biệt trong các thông tin về vai trò, giá trị của muối. Ví dụ số liệu về công trình công cộng, tuyến đường quan trọng nhờ công cuộc tìm kiếm, trao đổi muối; số liệu cụ thể về số lương được trả bằng muối,…

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết kết nối với cuộc sống, tích lũy được kinh nghiệm sống cho bản thân; biết bộc lộ quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Bày tỏ quan điểm suy nghĩ của bản thân

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu yêu cầu: Thời nay, nhân loại không còn xung đột với nhau vì tranh giành muối, nhưng vẫn còn rất nhiều cuộc chiến tranh và xung đột xảy ra nhằm tranh giành kim cương, dầu mỏ, đất hiếm, nguồn nước..Bạn nghĩ gì về vấn đề này? Hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc, cảm nhận, suy nghĩ để trả lời

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV gọi từ 2-3 HS chia sẻ cảm nhận, suy nghĩ của bản thân

Bước 4. Kết luận, nhận định

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	**Mô tả tiêu chí**	**Điểm**
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	**0,5**
Nội dung	Trình bày suy nghĩ của bản thân về cuộc chiến tranh và xung đột xảy ra nhằm tranh giành kim cương, dầu mỏ, đất hiếm, nguồn nước…	
	Giới thiệu vấn đề	**1**
	Trình bày cụ thể về vấn đề, có thể tham khảo một vài gợi ý sau: *+ Khái quát về những cuộc chiến tranh giành kim cương, dầu mỏ, đất hiếm…(cuộc chiến giành quyền kiểm soát dầu mỏ trong thế chiến thứ 2 tại Nhật Bản; cuộc Mỹ khởi xướng chống I-rắc; tranh giành nguồn kim cương ở châu Phi;…=> Nguyên nhân của những cuộc chiến này là truy cầu tiền tài, vật chất)* *+ Tác hại của những cuộc chiến tranh gây ra: Dân càng nghèo đói, khổ cực; thiệt hại về cơ sở vật chất, kinh tế, mạng người; mối quan hệ giữa các quốc gia căng thẳng gây ảnh hưởng đến hòa bình thế giới…* *+ Quan điểm của bản thân bạn? (Tôn trọng hòa bình, tình yêu thương là giá trị đích thực, bền vững; truy cầu tiền tại vật chất chỉ như những ảo ảnh không có thực)* *+ Bài học: Mỗi người trẻ cần góp phần vào nền hòa bình chung của thế giới bằng cách nhận thức đúng về tác hại của những cuộc chiến tranh, nhận thức đúng về quy luật của lịch sử và chung tay vào những hành động vì một thế giới hòa bình.*	**6**
	Khẳng định, khái quát vấn đề	**1**

Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	**0,5**
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	**1,0**

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc các tác phẩm viết về lịch sử của Mác Kơ-len-xki
- Chuẩn bị: Tiếng việt

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung module được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

TIẾT 86. TRẢ BÀI GIỮA KÌ II

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt:

- Hiểu rõ được những yêu cầu khi làm bài Đọc hiểu, đoạn văn NLVH, bài NLXH
- Nhận ra ưu, nhược điểm trong bài làm của mình biết cách sửa chữa, rút kinh nghiệm cho bản thân.

2. Năng lực

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành đoạn văn nlvh ,bài văn NLXH
- Năng lực tiếp thu luyện kỹ năng sửa chữa lỗi trong bài kiểm tra của bản thân và của bạn.

3. Phẩm chất:

- Nghiêm túc chỉnh sửa những lỗi trong bài kiểm tra.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án, SGK
- Bài của học sinh, đề bài, hướng dẫn chấm – biểu điểm.

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức trong đề kiểm tra.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng khởi cho hs.

b. Nội dung: GV kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.

c. Sản phẩm: Hs chuẩn bị kiến thức đã học

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS chia sẻ: *Em đã xem lại phần kiến thức đã kiểm tra trong bài kiểm tra hôm trước chưa?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập thân để trình bày trước lớp.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Tiết học hôm nay sẽ nhận xét và chữa bài kiểm tra cuối kì.*

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu: Hiểu rõ được những yêu cầu của kiểu bài.

b. Nội dung: HS sử dụng bài làm, so sánh với đáp án GV đưa ra.

c. Sản phẩm học tập: HS so sánh bài làm với đáp án.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập -GVCần lưu ý điều gì với phần Đọc – hiểu? Đọc kĩ, trả lời đúng yêu cầu câu hỏi cho HS nhắc lại yêu cầu chung của bài văn NLVH GV nhắc lại các lưu ý khi làm bài văn NLXH về ý nghĩa của việc kết nối với gia đình cuả giới trẻ trong cuộc sống hiện nay. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu của GV. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận** - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	**1. Đọc hiểu** ● ● ● ● ● ● ● **2. Yêu cầu đối với đoạn nlvh, bài văn NLXH** ●

Hoạt động 2: Nhận xét ưu, khuyết điểm, trả bài, gọi điểm

a. Mục tiêu: Nhận ra ưu, khuyết điểm của bản thân và cách sửa chữa:

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

c. Sản phẩm học tập: H HS rút kinh nghiệm bài viết.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập	**II. ƯU, KHUYẾT ĐIỂM:** **1. Ưu điểm:**

- GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, chọn một số bài viết thuộc các mức độ khác nhau để HS rút kinh nghiệm. - GV trả bài cho HS, yêu cầu HS chỉnh sửa theo hướng dẫn trong SHS và những phân tích, bổ sung ở trên. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS nghe yêu cầu, tự sửa các lỗi trong bài làm của mình và rút kinh nghiệm. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận** - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. - Hướng dẫn HS viết lại bài văn cảm nhận.	+ Nhiều em đã biết cách làm bài, hiểu yêu cầu của đề. + Trình bày khoa học. - Nêu được quan điểm của bản thân - Thể hiện rõ cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. **2. Nhược điểm:** - Một số em chưa biết cách làm bài * Kiến thức: + Chưa nắm vững yêu cầu bài làm. + Bài văn nêu còn sơ sài * Diễn đạt: - Dùng từ : Một số em dùng từ ngữ chưa chính xác, chưa biết cách diễn đạt mạch lạc, lôgic. - Lời văn : Một số em viết bài chưa đạt yêu cầu. - Chữ viết : Ẩu, sai lỗi chính tả nhiều, gạch xóa, trình bày không khoa học. **3. Kết quả:** **4. Hướng dẫn chữa bài:** - Lỗi chính tả :nh-gi-d, anh - an, … - Lỗi diễn đạt : Lủng củng, lặp từ, sai từ. **III. Trả bài:**

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức.

b. Nội dung: GV giao bài tập, HS suy nghĩ, trả lời.

c. Sản phẩm học tập: HS viết bài theo yêu cầu.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- *GV yêu cầu HS:* Đọc bài viết của các bạn trong nhóm và cùng trao đổi, góp ý.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc và hoàn thành bài tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS hoàn thiện bài viết của mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa bài viết

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa lại bài.

c. Sản phẩm học tập: Đoạn văn HS viết được.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS rà soát, chỉnh sửa văn bản tóm tắt vừa hoàn thành theo gợi ý:

Em rút ra kinh nghiệm gì sau khi làm bài văn này?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe yêu cầu và sửa lỗi trong bài kiểm tra theo nhận xét của giáo viên.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS đại diện trình bày.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày bài tập trước lớp.

Tiết:87 Thực hành tiếng việt

TÔN TRỌNG VÀ BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **thực hành Tiếng Việt, giúp HS:**

- HS phân tích được bản chất của quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là quyền tác giả và tầm quan trọng của việc tôn trọng, bảo vệ quyền tác giả.
- HS trình bày được một số quy định liên quan đến vấn đề tôn trọng và bảo vệ quyền tác giả và biết vận dụng vào học tập, nghiên cứu để tránh đạo văn.

2. Phẩm chất: Có ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS nghe hát, trả lời câu hỏi kết nối vào bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS xem video về các vụ án xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nổi bật nhất ở Việt Nam: https://www.youtube.com/watch?v=j_fDPo6ZXwg GV đặt câu hỏi: Video nói về vấn đề gì? Em rút ra được bài học sau khi xem video clip? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**	- Video clip nói về những vụ án xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nổi bật nhất ở Việt Nam. Qua đó, chúng ta thấy được tầm quan trọng của quyền sở hữu trí tuệ. - Bài học cần hiểu rõ về quyền sở hữu trí tuệ để bảo vệ quyền lợi của bản thân và tránh xâm phạm đến

HS suy nghĩ, sắp xếp theo yêu cầu. **Bước 3: Báo cáo thảo luận** GV gọi 1 -2 HS trả lời HS khác nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời. - GV dẫn vào bài: *Sở hữu trí tuệ ngày càng đóng vai trò hết sức quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, nhất là trong xu thế hội nhập sâu rộng và toàn diện như hiện nay. Thậm chí việc thực hiện nghiêm túc bảo hộ sở hữu trí tuệ được coi là điều kiện cần thiết, tối thiểu mỗi khi hợp tác với quốc gia khác hoặc hội nhập quốc tế. Không có điều khoản về bảo hộ sở hữu trí tuệ hoặc thực thi kém sẽ dẫn đến việc bị loại bỏ khỏi cuộc chơi trong hội nhập quốc tế. Vậy tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ là gì? Có những quy định nào về tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ? Để trả lời những câu hỏi đó, cô trò chúng ta cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay: Tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.*	những sản phẩm trí tuệ của người khác.

1. HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH

2.1 Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

a. Mục tiêu: HS nhận biết về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ và một số quy định liên quan đến vấn đề tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

b. Nội dung: HS đọc sách sgk, thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS HĐ nhóm bàn: Đọc lại phần tri thức Ngữ văn (tr. 64; tr. 78, 79 - sgk và trả lời các câu hỏi sau: - Nêu khái niệm quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, đạo văn? Lí do phải tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. - Nêu một số quy định liên quan đến vấn đề tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**	**I. TRI THỨC TIẾNG VIỆT** **1. Một số khái niệm có liên quan đến tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ** - Tôn trọng kết quả lao động sáng tạo của người khác va biết cách tiếp thu, kế thừa kết quả đó trong sản phẩm trí tuệ của mình theo đúng quy định và thông lệ quốc tế là yêu cầu bắt buộc trong học tập và nghiên cứu => Ý nghĩa: góp phần tạo nên những sản phẩm sáng tạo và bồi dưỡng cho người học, người nghiên cứu tính trung thực, niềm say mê tìm tòi, khám phá cái mới. - Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên

- HS thảo luận nhóm bàn thành thành nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi 1 - 2 nhóm bàn trả lời. - Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng. - Quyền tác giả: là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu. => Phạm vi bài học sẽ tập trung vào quyền tác giả. - Đạo văn có thể hiểu là chiếm hữu một cách sai trái, ăn cắp, công bố ngôn ngữ, suy nghĩ, ý tưởng, hay cách diễn đạt của người khác và xem chúng như là những gì do mình tự tạo ra. **2. Một số quy định liên quan đến vấn đề tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ** - Có sự khác biệt đáng kể trong cách nhìn nhận về vấn đề ý tưởng, câu chữ của người đi trước ở những bối cảnh văn hóa khác nhau: + Trước khi văn học hiện đại hình thành, việc người viết đưa một ý văn, ý thơ hoặc một tác phẩm văn học khác vào sáng tác của mình được chấp nhận rộng rãi. + Ngày nay, tất cả những gì được kế thừa của người khác, từ ý tưởng, thông tin đến cách diễn đạt đặc thù, có tính cá biệt, đều phải được dẫn nguồn. + Tuy nhiên, có những tri thức phổ quát, được mặc định là tài sản chung của cộng đồng hay nhân loại thì khi dùng không cần phải chú nguồn. Ví dụ: *Trái Đất quay xung quanh mặt trời; Văn học là nghệ thuật của ngôn từ,…* - Khi trích dẫn trực tiếp và đặt phần trích dẫn trong ngoặc kép, cần dẫn đúng nguyên văn kể cả khi có những ý tưởng, thông tin, cách diễn đạt trong văn bản gốc bị coi là sai. Người viết có thể dùng cước chú để thuyết minh về ý tưởng, thông tin, cách diễn đạt bị coi là sai đó hoặc dùng kí hiệu [sic], một từ trong tiếng La-tinh có nghĩa là "nguyên văn như vậy". Nếu có phần nào đó bị cắt thì cần đánh dấu chỗ bị cắt bằng kí hiệu [...]. - Ngoài trích dẫn trong phần chính của văn bản, việc sử dụng kết quả lao động sáng tạo của người khác có thể được thể hiện qua cước chú. Với một số kiểu văn bản như báo cáo nghiên cứu, bài đăng ở tạp chí chuyên ngành, luận văn, luận án, sách chuyên khảo,... còn có phần *Tài liệu tham khảo*, thường được đặt sau văn bản, liệt kê các công trình

	mà người viết tham khảo với đầy đủ thông tin về tác giả, tên công trình, nhà xuất bản, năm xuất bản.

2..2 Thực hành, luyện tập

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết và phân tích được cách trích dẫn đúng để tránh đạo văn.
- HS nêu được quan điểm của mình về vấn đề đạo văn nói riêng và việc tôn trọng, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nói chung.

b. Nội dung: HS làm BT.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*** NV1: Thực hiện BT1, 2, 3 (tr. 78 – 79, sgk)** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chia lớp thành 3 nhóm, đại diện nhóm lên bốc thăm phần việc (tương ứng với 3 bài tập trong sgk): + Bài tập 1 (SGK Ngữ văn 12, tập hai, tr.78) + Bài tập 2 (SGK Ngữ văn 12, tập hai, tr. 78, 79) + Bài tập 3 (SGK Ngữ văn 12, tập hai, tr.79) **- GV lưu ý:** + Các nhóm thảo luận phần việc đã bốc thăm được. + Sau 5 phút thảo luận, mỗi nhóm cử đại diện lên trình bày kết quả thảo luận của nhóm. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận nhóm hoàn thành thành nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm học tập	**Bài tập 1. Gợi ý:** + Nhiều truyện thơ Nôm của Việt Nam như *Phan Trần* (khuyết danh), *Hoa tiên* (Nguyễn Huy Tự), *Ngọc Triều Lê tân truyện* (Lý Văn Phức), *Tì bà quốc âm tân truyện* (Kiều Oánh Mậu),…đều mượn cốt truyện từ văn học Trung Quốc. + *Truyện Kiều* (Nguyễn Du) mượn cốt truyện của *Kim Vân Kiều truyện* (Thanh Tâm Tài Nhân – Trung Quốc) + *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn mượn ý của Vương Duy trong thơ Đường: "Hôm qua tiễn biệt Trường An, hôm nay đã đến Lạc Dương" để nói về việc người chinh phụ tiễn chồng ra chiến trường. **Bài tập 2.** Các dấu hiệu cho thấy người viết có ý định tuân thủ quy định về trích dẫn: + Sử dụng các dấu câu quen thuộc đánh dấu lời dẫn trực tiếp là dấu hai chấm và dấu ngoặc kép. Ngoài ra còn có dấu ngoặc vuông và dấu ba chấm trong ngoặc vuông đánh dấu phần bị lược đi trong đoạn trích. + Người viết còn ghi rõ nguồn đoạn trích dẫn: nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Mạnh đánh giá về Nguyễn Tuân. **Bài tập 3.** Có thể tham khảo đoạn dùng cách dẫn gián tiếp sau: a. Trong *Yêu và đồng cảm*, Phong Tử Khải cho rằng con người vốn là nghệ thuật, vốn giàu lòng đồng cảm. Khi lớn

- Các nhóm nhận xét, bổ sung để được ghi điểm. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chuẩn kiến thức kiến thức.	lên, họ bị dòng đời xô đẩy, dồn ép nên tấm lòng ấy mới bị cản trở hoặc hao mòn. Nếu những người trong hoàn cảnh đó vẫn giữ được lòng đồng cảm đáng quý thì họ chính là nghệ sĩ. b. Trong *Cộng đồng và cá thể,* Anh-xtanh quan niệm rằng, mỗi cá thể đơn lẻ sáng tạo, có suy nghĩ và phán xét độc lập để tạo ra những giá trị mới cho xã hội và khiến xã hội phát triển lên cao. Nhưng một cá thể đơn lẻ sẽ không thể phát triển nếu như thiếu cộng đồng.

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức trong bài học để nêu quan điểm của mình về vấn đề đạo văn.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu: (SGK Ngữ văn 12, tập hai, tr.79) Nêu quan điểm của bạn về vấn đề đạo văn. Tự nhận xét về việc bản thân sử dụng ý tưởng của người khác khi thực hiện các bài viết trong quá trình học tập.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân khoảng 10 phút.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 2-3 nêu ý kiến trước lớp.
- Các HS khác phản biện hoặc nêu ý kiến.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, đánh giá.

Dự kiến sản phẩm:

- Quan điểm về đạo văn:

+ Đạo văn cũng là hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ và vi phạm chuẩn mực đạo đức của mỗi người.

+ Đạo văn có thể là lỗi vô tình do người viết thiếu hiểu biết về những quy định liên quan đến việc sử dụng ý tưởng, thông tin của người khác và có thể là lỗi cố ý

⇨ Xét về phương diện đạo đức thì lỗi vô tình được coi là nhẹ hơn nhưng hậu quả thì đều như nhau.

+ Việc đạo văn đều bị xử lí dù là nặng hay nhẹ tùy vào bộ luật sở hữu trí tuệ của từng quốc gia. Tuy nhiên, việc tôn trọng và bảo vệ quyền tác giả nói riêng và quyền sở hữu trí tuệ nói chung ngày càng cần được đề cao.

- Tự nhận xét về việc bản thân sử dụng ý tưởng của người khác khi thực hiện các bài viết trong quá trình học tập: Trước đây, do chưa có sự hiểu biết về việc sử dụng ý tưởng của người khác nên đã vô tình sử dụng ý tưởng đó chưa đúng quy định. Sau khi tìm hiểu và biết rõ về hành vi này, tôi đã có ý thức hơn trong việc sử dụng ý tưởng, thông tin của người khác.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung module đã được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....
.....

VIẾT

Tiết: 88,89

VIẾT THƯ TRAO ĐỔI VỀ CÔNG VIỆC HOẶC MỘT VẤN ĐỀ ĐÁNG QUAN TÂM

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **viết, giúp HS:**

- Nhận biết được yêu cầu, quy trình viết thư trao đổi về công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm.
- Viết được thư trao đổi về công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm

2. Phẩm chất: Có ý thức chia sẻ, trao đổi về công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, hộp giấy hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú

- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- HS đọc đoạn trích sau:

Rovaniemi, ngày 24 tháng 12 năm 2023

Gửi Ông Tổng giám đốc UPU năm 2174!

Lời đầu tiên, chúc ông Giáng sinh an lành và năm mới hạnh phúc! Tôi chưa hình dung hết ông là ai, nhưng tôi tin tưởng rằng, ông vẫn là người thuyền trưởng tài ba chèo lái con thuyền Bưu chính thế giới với sứ mệnh phục vụ tận tâm và bền bỉ các thế hệ người dân toàn cầu. Đó là lý do tôi viết lá thư này gửi tới ông.

Tôi là Pulattie, 72 tuổi, từng là giáo viên trung học tại Texas. Sau khi nghỉ hưu, tôi học tại Trường Charles W.Howard Santa Claus, trường đào tạo Ông già Noel. Hiện tôi làm việc tại Bưu điện ở ngôi làng Ông già Noel, Rovaniemi, Lapland, Phần Lan, nằm trong Vòng Bắc cực. Công việc của tôi bận rộn quanh năm, nhưng tôi rất hạnh phúc. Mỗi năm chúng tôi nhận hàng triệu bức thư của trẻ em khắp thế giới. Tôi đọc không sót bức nào, sau đó viết thư hồi âm và gửi những món quà từ các tổ chức từ thiện đến trẻ em dịp Noel. Tôi vừa là người nhận thư, vừa đưa thư trong vai Ông già Noel đã hơn 10 năm, và tôi cảm nhận ý nghĩa cuộc sống qua từng lá thư nhỏ.

Ông à, tôi chọn công việc này khi đọc bức thư của bé Virginia O'Hanlon, 8 tuổi ở Manhattan, New York gửi tờ The Sun năm 1897: "Xin hãy cho cháu biết sự thật: Có Ông già Noel không?". Biên tập viên Francis đã viết thư trả lời: "Virginia, ông già Noel có thực, cũng như tình yêu và lòng quảng đại luôn hiện diện quanh ta, nhờ đó cuộc sống của chúng ta được vui tươi, hạnh phúc. Nếu không có ông già Noel thì thế giới ảm đạm biết bao, cuộc sống sẽ chẳng có những tâm hồn trẻ thơ, chẳng có thi ca, lãng mạn. Con người chỉ là những cỗ máy khô khan. Ánh sáng niềm tin và hy vọng của trẻ em khắp thế giới cũng sẽ tiêu tan. Ông già Noel vẫn sẽ sống mãi. Hàng trăm nghìn năm sau, ông vẫn sẽ tiếp tục mang đến niềm vui và hạnh phúc cho những tâm hồn trẻ thơ khắp hành tinh này". Lá thư truyền cảm hứng cho tôi trở thành một Ông già Noel mang thông điệp hạnh phúc đi khắp thế giới.

[...] Tôi hình dung 150 năm tới, khi nhân loại dùng thư điện tử và nhiều phương tiện liên lạc hiện đại khác, thì tất cả các bưu cục toàn thế giới sẽ vẫn có hòm thư tay miễn phí cho trẻ em, khi viết thư gửi Ông già Noel. Mỗi nước có một trụ sở nhận thư, gửi thư và quà như tại làng Ông già Noel này. Tôi ước ao sẽ có nhiều trường đào tạo Ông già Noel, để những người yêu trẻ học cách mang đến hạnh phúc cho trẻ. Đặc biệt nhất, để những lá thư, món quà mà trẻ em mong đợi đến đúng vào Giáng sinh trên toàn thế giới, tôi mơ về một hình thức chuyển thư, quà tự động được lập trình sẵn nhưng cũng rất lãng mạn: một cỗ xe tuần lộc đưa Ông già Noel bay

trong không trung, sáng rực rỡ trong đêm, và những món quà sẽ được Ông trao tận tay cho từng đứa trẻ trong tiếng cười reo, tiếng cảm ơn líu lo của con trẻ.

Ông Tổng giám đốc UPU năm 2174 yêu mến, giấc mơ của tôi chắc chắn sẽ thành hiện thực, vì tôi tin ông sẽ làm được, và cũng tin rằng dù thế giới có phát triển như thế nào thì "Ông già Noel vẫn sẽ sống mãi, vẫn tiếp tục mang niềm vui và hạnh phúc cho những tâm hồn trẻ thơ trên khắp hành tinh này"!

Có người đã từng nói: "Nơi lạnh nhất không phải là Bắc Cực mà là nơi thiếu vắng tình yêu thương". Bắc Cực không lạnh khi có ngôi làng của sự kết nối đầy ấm êm và thương mến như vậy!

Mong lá thư sẽ đến được với ông và giấc mơ hạnh phúc của trẻ thơ sẽ thành hiện thực. Gửi đến ông một cái ôm ấm áp!

Ông già Noel ở Rovaniemi

Pulattie

- Đoạn trích trên được trích trong bức thư đạt giải nhất cuộc thi viết thư quốc tế UPU lần thứ 53 (2024) của em Nguyễn Đỗ Quang Minh (lớp 9 trường THCS -THTP Nguyễn Khuyến, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng). Sau khi đọc bức thư, bạn hãy trả lời câu hỏi sau: Bức thư trên viết về điều gì? Nhận xét về hình thức của một bức thư?

Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo

- HS đọc, suy nghĩ, trả lời cá nhân
- HS khác nhận xét, bổ sung

Dự kiến sản phẩm:

- Bức thư viết về vấn đề: trẻ em thiếu tình thương và khao khát có nơi để gửi gắm tình thương.
- Hình thức một bức thư: Địa chỉ và thời gian viết thư, người nhận thư, lời thăm hỏi sức khỏe, lí do viết thư; nêu và trình bày vấn đề cần trao đổi; chia sẻ mong muốn của người viết; người nhận thư.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, đánh giá và dẫn dắt vào bài mới.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu: HS hiểu được yêu cầu của kiểu bài viết thư trao đổi về công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm

b. Nội dung hoạt động: HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân - GV giao nhiệm vụ: Đọc mục *Tri thức Ngữ*	**I. Tri thức về kiểu bài viết** **1. Khái niệm** Thư từ (nói chung) là hình thức VB đặc biệt, có

văn trong sgk, tr. 64; mục *Yêu cầu* trong sgk, tr.80, kết hợp với sự hiểu biết của bản thân, trả lời câu hỏi: Thư từ là gì? Bài viết thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm cần đảm bảo những yêu cầu gì? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS suy nghĩ cá nhân, trả lời. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** GV gọi 1 -2 HS trả lời, HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV nhận xét, chốt kiến thức.	đối tượng tiếp nhận cụ thể theo các mức độ khác nhau, được dùng với nhiều mục đích khác nhau: bảy tỏ tình cảm, chia sẻ trải nghiệm, cung cấp thông tin, thuyết phục hay thể hiện sự đồng tình của người đọc về vấn đề… **2. Yêu cầu** - Xác định rõ đối tượng nhận thư (cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức). - Thể hiện rõ mục đích viết thư và vấn đề chính được trình bày, trao đổi, bàn luận trong thư. - Trình bày tường minh, mạch lạc các thông tin (nếu mục đích chủ yếu là cung cấp thông tin) hoặc triển khai các nội dung phù hợp để khẳng định một quan niệm hay sự cần thiết phải tiến hành công việc hay hoạt động (nếu mục đích chủ yếu là thuyết phục). - Sử dụng ngôn ngữ (gồm cả từ ngữ xưng hô) phù hợp với mục đích viết thư với mục đích viết thư và người nhận. - Sử dụng yếu tố bổ trợ để đạt được mục đích viết một cách hiệu quả.

2.2 Phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: HS phân tích được các yêu cầu của bài viết tham khảo.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS đọc bài viết tham khảo, thảo luận nhóm, trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*** Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV gọi HS đọc bài viết tham khảo theo các thẻ chỉ dẫn ở bên phải văn bản. - HS thảo luận cặp đôi thực hiện các yêu cầu sau: 1. Giữa người viết thư và người nhận thư có mối quan hệ gì? Quan	**II. Phân tích bài viết tham khảo** **Đọc bài viết tham khảo (sgk, tr.80, 81, 82, 83) và thực hiện các yêu cầu:** (1) - Người viết thư và người nhận thư là chị em ruột trong cùng một nhà. – Ngôn ngữ thể hiện: *Ma-két-ta yêu quý; Em có khoẻ không?; Lâu lắm rồi em không về Phri-đéc thăm nhà; Kể cho chị nghe về Luân Đôn;…* - Người nhận đang đi học ở Luân Đôn, một nơi xa nhà; lâu rồi chưa về thăm nhà.

hệ đó thể hiện như thế nào qua ngôn ngữ được dùng trong thư? Người nhận thư có đặc điểm gì đáng chú ý? 2. Bức thư này được viết nhằm mục đích gì? Thư trao đổi, bàn luận về vấn đề gì? 3. Phần mở đầu thư có gì đáng chú ý? Nội dung tiếp theo của bức thư triển khai theo trình tự nào? Trình tự đó có liên quan như thế nào với mục đích viết thư? 4. Người viết dùng những yếu tố bổ trợ nào để thuyết phục người đọc về vấn đề được bàn đến trong thư? 5. Qua bức thư tham khảo, em rút ra được kinh nghiệm gì khi viết thư? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS nối tiếp nhau đọc văn bản. - Thảo luận cặp đôi 5 câu hỏi SGK khoảng 5 phút. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện một số cặp đôi phát biểu. - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, chốt kiến thức.	(2) Mục đích viết thư là để trao đổi, bàn luận về sự việc: Tình trạng bất công với những người lao động ở châu Phi. 3. - Phần mở đầu thư bằng cách hỏi thăm về sức khoẻ, công việc đầy thân mật. Sau đó, nêu sự việc bằng cách gây tò mò cho người đọc: sự việc đúc kết một kinh nghiệm: "trông người mà nghĩ đến ta". - Các sự việc tiếp theo được trình bày theo trình tự thời gian, liên quan đến câu chuyện mà người chị kể. Mở đầu là câu chuyện về thanh sô-cô-la người chị được người em tặng. Từ khẩu hiệu quảng cáo trên thanh sô-cô-la, người chị trao đổi về vấn đè tình trạng bất công với những người lao động ở châu Phi. Tiếp theo, người viết khẳng định quan điểm của mình, chia sẻ, tình cảm, cảm xúc và thuyết phục người nhận thư đồng tình với quan điểm của mình. => Trình tự này có liên quan chặt chẽ đến mục đích viết thư. 4. Yếu tố bổ trợ để thuyết phục người đọc: tự sự, biểu cảm. Những yếu tố này làm cho bức thư thêm lôi cuốn, hấp dẫn và thuyết phục người đọc về vấn đề đặt ra. 5. Kinh nghiệm của HS rút ra từ bức thư. - Xác định người nhận thư và mục đích viết thư. - Xác định vấn đề cần trao đổi, bàn luận. - Chọn trình tự viết thư hợp lí, thuyết phục. - Có thể sử dụng các yếu tố bổ trợ như: tự sự, biểu cảm để làm bức thư thêm lôi cuốn, hấp dẫn, thuyết phục.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS xác định được các bước trong quy trình viết thư trao đổi về công việc hoặc vấn đề đáng quan tâm
- HS thực hành các bước để viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>

II. Thực hành viết

1. Các bước thực hành viết

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV nêu vấn đề: Các em thực hiện nhiệm vụ theo bàn: đọc SGK, thực hiện các yêu cầu trong bảng kiến thức sau:

<table>
<tr><th>Các bước</th><th colspan="3">Nội dung</th></tr>
<tr><td>Chuẩn bị viết</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td rowspan="4">Tìm ý, lập dàn ý</td><td>Tìm ý</td><td colspan="2"></td></tr>
<tr><td rowspan="3">Lập dàn ý</td><td>MB</td><td></td></tr>
<tr><td>TB</td><td></td></tr>
<tr><td>KB</td><td></td></tr>
<tr><td>Viết</td><td colspan="3"></td></tr>
<tr><td>Chỉnh sửa, hoàn thiện</td><td colspan="3"></td></tr>
</table>

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ theo nhóm bàn

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ câu trả lời.
- HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt kiến thức.

2. Thực hành viết

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV nêu đề bài:

Một bộ phận giới trẻ hiện nay dễ bị cuốn hút bởi văn hóa ngoại

</td><td>

II. Thực hành viết

1. Các bước thực hành viết

<table>
<tr><th>Các bước</th><th colspan="3">Nội dung</th></tr>
<tr><td>Chuẩn bị viết</td><td colspan="3">Lựa chọn một trong các gợi ý sau để làm đề tài viết:
- Viết thư gửi người thân hoặc bạn bè để trao đổi, mong người nhận đồng tình với mình về một vấn đề nào đó trong công việc, cuộc sống.
- Gửi một nhà thơ, nhà văn chia sẻ điều bạn nghĩ về một vấn đề văn học.
- Bạn cũng có thể viết thư gửi đến một công ti để xin tài trợ trang thiết bị học tập cho học sinh vùng khó khăn.</td></tr>
<tr><td rowspan="4">Tìm ý, lập dàn ý</td><td>Tìm ý</td><td colspan="2">Trả lời câu hỏi:
- Người nhận thư là ai và có quan hệ như thế nào với người viết thư? Người nhận thư có những đặc điểm gì?
- Thư trao đổi công việc hay vấn đề gì và nhằm mục đích gì?
- Nội dung của bức thư triển khai theo trình tự nào? Trình tự đó có liên quan như thế nào với mục đích viết thư?
- Để phục vụ cho mục đích chủ yếu, người viết cần dùng những yếu tố bổ trợ nào?</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Lập dàn ý</td><td>MB</td><td>Nêu được công việc hay vấn đề cần trao đổi. Với một văn bản thư không đòi hỏi tính chất nghi thức, có thể bắt đầu bằng một vài ý thăm hỏi thân tình.</td></tr>
<tr><td>TB</td><td>- Triển khai các nội dung phù hợp với mục đích viết thư.
- Sử dụng các yếu tố bổ trợ tùy thuộc vào tính chất của bức thư: thân mật hay trang trọng.</td></tr>
</table>

</td></tr>
</table>

<table>
<tr>
<td>lai dẫn đến việc xem nhẹ hoặc thậm chí nhận thức sai lệch về văn hóa truyền thống.
Anh/Chị hãy viết một bức thư (khoảng 600 chữ) gửi cho một người bạn để trao đổi về vấn đề trên.
- HS viết bài văn hoàn chỉnh
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân
Bước 3: Báo cáo, thảo luận
- HS đọc bài viết trước lớp
- HS khác bổ sung.
Bước 4: Đánh giá, kết luận
- GV tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá bài viết theo rubric và dàn ý tham khảo.</td>
<td>
<table>
<tr><td></td><td></td><td>KB</td><td>Nêu lại công việc hoặc vấn đề cần trao đổi dưới hình thức tóm tắt và thể hiện mong muốn được người nhận thư chia sẻ, đồng tình, ủng hộ.</td></tr>
<tr><td>Viết</td><td colspan="3">- Dựa vào dàn ý để triển khai bài viết.
- Lưu ý:
+ Tùy vào mục đích viết thư và mối quan hệ giữa người viết và người nhận để sử dụng ngôn ngữ phù hợp.
+ VB thư cần thể hiện tâm huyết, sự chân thành và những suy nghĩ có chiều sâu của người viết.</td></tr>
<tr><td>Chỉnh sửa và hoàn thiện</td><td colspan="3">Đọc kĩ bài viết, đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để chỉnh sửa, hoàn thiện.</td></tr>
</table>
2. Thực hành viết
Sản phẩm: Bài viết của HS
</td>
</tr>
</table>

Bảng kiểm kĩ năng viết thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Phần mở bài	Nêu được công việc hay vấn đề cần trao đổi.		
Phần thân bài	Phần nội dung có nêu luận điểm đầy đủ, chặt chẽ của bài viết không?		
	Bức thư đủ ý. Các luận điểm, luận cứ phù hợp với vấn đề nghị luận nêu trong đề.		
	Các lí lẽ và bằng chứng sinh động, đặc sắc, giàu sức thuyết phục.		
	Phát biểu được những suy nghĩ và cảm xúc cá nhân sâu sắc.		
Phần kết bài	Nêu lại công việc hoặc vấn đề cần trao đổi dưới hình thức tóm tắt và thể hiện mong muốn được người nhận thư chia sẻ, đồng tình, ủng hộ.		
Kĩ năng, trình bày diễn đạt	Bài viết có đủ ba phần và nội dung (độ dài) các phần cân đối.		
	Đã kết hợp được các phương thức biểu đạt và các		

	thao tác nghị luận.		
	Đảm bảo chính tả, dùng từ và diễn đạt.		
	Sử dụng các từ ngữ, câu văn để liên kết các luận điểm, bằng chứng, lí lẽ.		

Phiếu đọc – nhận xét bài viết (đánh giá chéo theo cặp đôi)

Tiêu chí đánh giá	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Bố cục	Không đầy đủ.	Đủ 3 phần nhưng trình bày chưa rõ ràng.	Đầy đủ 3 phần, trình bày rõ ràng.
Lí lẽ, lập luận	Lí lẽ sơ sài, thiếu nhiều ý. Lập luận không thuyết phục.	Lí lẽ chưa được đầy đủ. Lập luận còn chưa thuyết phục ở một số chỗ.	Lí lẽ đầy đủ, lập luận thuyết phục.
Bằng chứng được trích dẫn	Chưa có bằng chứng.	Ít bằng chứng; Bằng chứng trích dẫn chưa chính xác.	Bằng chứng được trích dẫn chính xác, phong phú.
Màu sắc, cá tính, giọng văn	Chưa có giọng điệu riêng.	Có giọng điệu nhưng chưa độc đáo, rõ nét.	Độc đáo, có giọng điệu riêng.
Lỗi chính tả, ngữ pháp, diễn đạt	Mắc nhiều lỗi.	Còn mắc một số lỗi.	Không mắc lỗi.
Ý kiến của người đánh giá	……..		
Câu hỏi dành cho người viết (nếu có)	……..		

DÀN Ý THAM KHẢO

ĐỀ BÀI

Một bộ phận giới trẻ hiện nay dễ bị cuốn hút bởi văn hóa ngoại lai dẫn đến việc xem nhẹ hoặc thậm chí nhận thức sai lệch về văn hóa truyền thống.

Anh/Chị hãy viết một bức thư (khoảng 600 chữ) gửi cho một người bạn để trao đổi về vấn đề trên.

DÀN Ý

1. Mở bài:

- Nêu địa điểm, thời gian, danh tính người nhận, lời chào mở đầu.

- Nêu rõ công việc hay vấn đề cần trao đổi: Ngày càng nhiều bạn trẻ chúng mình bị cuốn hút bởi văn hóa nước ngoài đến vậy; nhiều bạn chỉ thích nghe nhạc nước ngoài, xem phim nước ngoài, mặc quần áo theo phong cách Hàn Quốc, Nhật Bản...; không phủ nhận những giá trị tích cực mà văn hóa ngoại lai mang lại, nhưng cũng lo lắng rằng chúng ta đang dần quên đi những giá trị truyền thống của dân tộc mình.=> Viết thứ trao đổi với mong muốn được cùng chia sẻ những suy nghĩ về vấn đề này; cùng nhau tìm ra giải pháp để giữ gìn những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

2. Thân bài: Trình bày các vấn đề cần trao đổi:

- Nguyên nhân của việc một bộ phận giới trẻ hiện nay dễ bị cuốn hút bởi văn hóa ngoại lai dẫn đến việc xem nhẹ hoặc thậm chí nhận thức sai lệch về văn hóa truyền thống: Sự hấp dẫn của văn hóa ngoại lai (Sự mới lạ, hiện đại, sành điệu của văn hóa nước ngoài; Ảnh hưởng của các phương tiện truyền thông, mạng xã hội.); sự thiếu hiểu biết về văn hóa truyền thống (Thiếu sự quan tâm, tìm hiểu về lịch sử, văn hóa dân tộc; ảnh hưởng của lối sống hiện đại, quá chú trọng vào việc học hành, công việc).
- Hiện tượng một bộ phận giới trẻ hiện nay dễ bị cuốn hút bởi văn hóa ngoại lai dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng: Làm mai một những giá trị truyền thống tốt đẹp; dễ bị đồng hóa, mất đi nét riêng của dân tộc; ảnh hưởng đến nhận thức của bản thân về dân tộc; dễ bị tác động bởi những tư tưởng tiêu cực từ bên ngoài.
- Đề xuất giải pháp: Tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật dân gian; xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thông về lịch sử, văn hóa; tìm hiểu về lịch sử, văn hóa dân tộc; bảo tồn và phát huy những sản phẩm văn hóa truyền thống…
- Nêu những ý kiến, quan điểm khác nhau xung quanh vấn đề:

+ Việc tiếp thu những tinh hoa của văn hóa nhân loại là điều cần thiết để phát triển.

+ Chúng ta có thể vừa tiếp thu tinh hoa của văn hóa nước ngoài vừa giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

3. Kết bài:

- Mong muốn người nhận thư chia sẻ về vấn đề sự ảnh hưởng của văn hóa ngoại lai đến giới trẻ hiện nay.
- Lời chào tạm biệt, danh tính của người viết thư.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Viết được một bức thư trao đổi trong công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm

b. Nội dung: HS thực hiện nhiệm vụ

c. Sản phẩm: Bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

Viết thư gửi đến một công ti để xin tài trợ trang thiết bị học tập cho học sinh vùng khó khăn.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ. HS thực hiện tại nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận. HS gửi sản phẩm lên Palet/ nhóm Zalo.

Bước 4: Kết luận, nhận định. GV đánh giá, chấm điểm.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.
- **Chuẩn bị nội dung nói và nghe:** Tranh biện về một vấn đề đời sống

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung module đã được tập huấn.
- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

.....

Tiết:90 NÓI VÀ NGHE

TRANH BIỆN VỀ MỘT VẤN ĐỀ ĐỜI SỐNG

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực. Giúp HS:

- Tranh biện về một vấn đề trong đời sống thể hiện được những ý kiến trái chiều.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để tổ chức một cuộc tranh biện trong lớp về chủ đề đáng quan tâm.

2. Phẩm chất:

- Thể hiện được thái độ cầu thị trong khi tranh biện.
- Quan tâm tới người nghe và có thái độ phù hợp khi nói.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá…

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm cho bài tranh luận.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS xem đoạn Clip, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Xem video sau (từ 5.03 đến 7.07 và 7.28 đến 9.43)

https://youtu.be/escLDAuEgS8

và cho biết:

1. Hai đội tranh biện với nhau về điều gì?
2. Hai bên đã đưa ra lí lẽ thế nào thể bảo vệ cho quan điểm của mình?
3. Em thích phần trình bày của đội nào hơn?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện các yêu cầu.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Đại diện HS trả lời, HS khác lắng nghe, bổ sung.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề.

GV dẫn dắt vào bài: Trước một vấn đề trong cuộc sống thường có những ý kiến và quan điểm khác nhau. Làm thế nào để bảo vệ được quan điểm của mình khi tranh luận với người có quan điểm khác mình một cách thuyết phục? Bài học hôm nay sẽ giúp các em trả lời được câu hỏi ấy.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS nắm được các yêu cầu và quy trình của bài Nói và Nghe.

b. Nội dung: Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và quy trình chuẩn bị Nói và Nghe.

c. Sản phẩm: Bài thảo luận đúng yêu cầu và quy trình.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân - GV giao nhiệm vụ: Đọc mục *Yêu cầu* trong sgk, tr.85, kết hợp với sự hiểu biết của bản thân, trả lời câu hỏi: - Bài nói và nghe với chủ đề tranh biện về một vấn đề đời sống cần đạt yêu cầu gì? - Nêu quy trình của bài nói và nghe? **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện các yêu cầu. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung.	**1. Yêu cầu của bài nói và nghe** - Nêu được rõ ràng quan điểm (tán thành hay phản đối về vấn đề tranh biện. - Đưa ra các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục để bảo vệ quan điểm của nhóm mình, phản bác quan điểm của nhóm mình, phản bác quan điểm của nhóm đối lập. - Thể hiện được sự tương tác tích cực trong quá trình tranh biện; biết lắng nghe và tôn trọng người tranh biện với mình. - Có cử chỉ, điệu bộ và ngữ điệu linh hoạt, phù hợp; biết sử dụng hiệu quả phương tiện phi ngôn ngữ để tăng thêm tính thuyết phục. **2. Quy trình của bài nói và nghe** **Bước 1: Chuẩn bị tranh biện**

Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề.	* Lựa chọn đề tài: Có thể tham khảo một số đề tài: - Cần cấm ô tô đi vào trung tâm thành phố. - Tình yêu học đường – nên hay không nên? - Nên chọn nghề theo nhu cầu của thị trường lao động. - Cần phát triển hình thức học và làm việc trực tuyến để thay thế dần hình thức học và làm việc truyền thống. - Nên hay không nên mang điện thoại di động đến lớp * Lập đội tham gia tranh biện - Một cuộc tranh biện thường có sự tham gia của 2 đội, thể hiện quan điểm trái ngược nhau. Mỗi đội có 2 – 3 thành viên. - Ngoài ra, cần có người điều hành và khán giả theo dõi, bình chọn. - Mỗi người được lựa chọn đội tranh biện mình muốn tham gia. * Nghiên cứu vấn đề đã lựa chọn và chuẩn bị ý kiến tranh biện - Tìm hiểu kĩ vấn đề tranh biện, xem xét vấn đề từ nhiều góc độ để nhận ra khả năng những quan điểm khác biệt, đối lập. - Dự kiến những lí lẽ có thể bị phản bác để suy nghĩ cách bảo vệ. - Phân biệt ba loại lập luận để chuẩn bị và vận dụng hiệu quả trong quá trình tranh biện: Lập luận để chứng minh quan điểm của đội mình là đúng đắn; lập luận để chứng minh quan điểm của phía đối lập là sai trái; lập luận để bảo vệ quan điểm của đội mình trước ý kiến phản biện của đối phương. * Tìm hiểu quy tắc tranh biện: - Tranh biện là hình thức giao tiếp nhằm phân định sự đúng – sai, thuyết phục – không thuyết phục của các quan điểm. Tuy vậy, một cuộc tranh biện cần được diễn ra trên tinh thần bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau => Các bên tham gia tranh biện cần tuân thủ một số quy tắc. - Chú ý dùng cử chỉ phù hợp khi tranh biện. Trong quá trình tranh biện có thể có những ý kiến phản biện gai góc, mỗi người cần điềm tĩnh, kiểm soát được thái độ và ngữ điệu nói. *** Bước 2: Thực hành tranh biện**

- Mở đầu cuộc tranh biện, người điều hành nêu vấn đề, giới thiệu thành phần tham gia, nêu rõ mục đích, quy tắc tranh biện và có trách nhiệm đảm bảo cuộc tranh biện diễn ra theo đúng quy trình:

Phiên tranh biện	**Phía tán thành**	**Phía phản đối**
Phiên thứ nhất	Bám sát vấn đề đã chọn để tranh biện, khẳng định quan điểm đồng tình, giải thích những khái niệm cơ bản, trình bày các luận điểm chính, dùng lí lẽ và bằng chứng để củng cố quan điểm ủng hộ.	Nhắc lại vấn đề đã chọn để tranh biện, khẳng định sự không đồng tình, định nghĩa lại những khái niệm chưa hợp lí, trình bày các luận điểm, dùng lí lẽ và bằng chứng để khẳng định lại quan điểm đối lập.
	Có thể có lượt hỏi – đáp từ hai phía để chất vấn và phản hồi các ý kiến.	
Phiên thứ hai	Phản bác lại từng luận điểm của phía phản đối, phân tích sâu hơn quan điểm của đội mình, bổ sung lí lẽ và bằng chứng để tăng sức thuyết phục.	Bác bỏ từng luận điểm mà phía tán thành vừa nêu ra; khẳng định lại quan điểm phản đối của đội mình, củng cố quan điểm đó bằng lí lẽ sắc bén và bằng chứng thuyết phục.
	Có thể có lượt hỏi – đáp từ hai phía để chất vấn và phản hồi các ý kiến.	

	Phiên thứ ba	Tiếp tục phản bác ý kiến của phía phản đối, khẳng định tính đúng đắn của những luận điểm quan trọng đã bị bác bỏ; kết luận về vấn đề và khẳng định lại quan điểm của đội mình.	Tiếp tục phản bác ý kiến của phía tán thành; bảo vệ những luận điểm quan trọng đã bị bác bỏ; kết luận về vấn đề và khẳng định lại quan điểm của đội mình.
	- Phần kết thúc cuộc tranh biện, người điều hành tóm tắt các luận điểm chính về vấn đề tranh biện của phía tán thành và phía phản đối; tổ chức lấy ý kiến đánh giá, bình chọn của khán giả về các đội tranh biện, có thể có một đội được chỉ định làm "trọng tài".		

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS biết cách tranh luận về một vấn đề có những ý kiến trái ngược nhau.

b. Nội dung: HS trình bày bài tranh luận vấn đề đã chuẩn bị. HS khác lắng nghe, trao đổi.

c. Sản phẩm: Bài tranh luận, các câu hỏi, ý kiến nhận xét của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. Thao tác 1. Tìm hiểu các bước chuẩn bị và Tìm ý, lập dàn ý. **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ** GV nêu yêu cầu: Trao đổi trong bàn, thực hiện các nhiệm vụ sau: *(1) Nêu các bước tiến hành tranh luận về một vấn đề có những ý kiến trái ngược nhau.* *(2) Báo cáo kết quả thực hiện bước chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý..* **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện các yêu cầu. **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Đại diện HS trình bày kết quả làm việc	**2. Thực hành** **Bài tập:** *Có ý kiến cho tác phẩm :"Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc" chỉ có ý nghĩa lịch sử với thời đại Nguyễn Đình Chiểu, lại có người cho rằng tác phẩm ấy còn mang tính thời sự với cuộc sống hôm nay. Nếu tán thành ý kiến thứ hai, em sẽ bảo 2vệ ý kiến ấy như thế nào?* **a. Bước 1. Chuẩn bị** - Đọc và tìm hiểu kĩ vấn đề em sẽ tranh luận: đồng tình với ý kiến "tác phẩm Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc còn mang tính thời sự đối với cuộc sống hiện nay." - Xem lại phần đọc hiểu bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*; tìm hiểu ý nghĩa lịch sử và tính thời sự của

của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề.

một tác phẩm văn học.

- Suy nghĩ về các lí lẽ, bằng chứng sẽ nêu lên (lí lẽ bảo vệ ý kiến em đồng tình và lí lẽ phản bác lại ý kiến trái ngược).

b. Bước 2. Tìm ý và lập dàn ý

Xem lại dàn ý **đã viết ở nhà** và bổ sung các ý cho phù hợp với đối tượng, yêu cầu, thời gian, điều kiện trình bày báo cáo.

DÀN Ý

Mở đầu	Khẳng định đồng tình với ý kiến: tác phẩm *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* không chỉ có giá trị lịch sử mà còn mang tính thời sự đối với cuộc sống hiện nay.
Nội dung chính	- Nêu những lí lẽ để bảo vệ và làm rõ ý kiến: bài văn tế không chỉ có ý nghĩa lịch sử mà còn mang tính thời sự đối với cuộc sống hiện nay. - Nêu lí lẽ phản bác lại ý kiến cho rằng bài văn tế chỉ có ý nghĩa lịch sử
Kết thúc	Khẳng định việc cần nhìn nhận đúng về các tác phẩm văn học trung đại nói chung và bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* nói riêng

2. Thao tác 2. Thực hiện các bước Nói và nghe; Kiểm tra và chỉnh sửa.

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV:

- Gọi 02 HS trình bày bài nói của mình. Các HS khác lắng nghe và nhận xét theo **PHỤ LỤC 1**

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI THUYẾT TRÌNH VÀ QUÁ TRÌNH NÓI

- Gọi 1 số HS nhận xét nhận xét trước lớp về bài viết của bạn theo **PHỤ LỤC 1.** Các HS khác lắng nghe phần nhận xét và đánh

c. Bước 3. Nói và nghe

Người nói	Người nghe
- Giới thiệu được vấn đề cần tranh luận. - Tóm lược những ý kiến khác nhau về vấn đề, trình bày ý kiến cá nhân, sử dụng lí lẽ và bằng chứng để chứng minh cho quan điểm của mình; trao đổi thảo luận với	- Chú ý lắng nghe bài nói của bạn. - Nghe trên tinh thần chuẩn bị đưa ra quan điểm của mình để đối thoại với người nói. - Đặt câu hỏi để người nói trình bày, giải thích về những nội dung còn chưa rõ.

giá kết quả nghe của bạn theo **PHỤ LỤC 2 - PHIẾU ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM TRA QUÁ TRÌNH NGHE**

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện các yêu cầu.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề.

GV yêu cầu HS kiểm tra và chỉnh sửa theo yêu cầu của người nói, người nghe.

những người có ý kiến khác. - Khái quát những điểm chung có thể thống nhất, nhấn mạnh tác dụng của cuộc tranh luận.	- Trao đổi với người nói về những điểm mà mình chưa đồng tình.

d. Bước 4. Kiểm tra và chỉnh sửa

Người nói	Người nghe
- Rút kinh nghiệm về bài tranh luận: + Nội dung tranh luận đã đầy đủ như trong dàn ý chưa? + Hình thức tranh luận có sáng tạo, phù hợp không? + Tác phong, thái độ tranh luận như thế nào? - Tự đánh giá: + Ưu điểm của bài tranh luận là gì? + Cần khắc phục những hạn chế nào?	- Kiểm tra kết quả nghe và ghi chép các nội dung thông tin đã chính xác chưa, thu hoạch được những gì? - Có nêu được câu hỏi và ý kiến thảo luận, trao đổi với người thuyết trình không? - Nêu nhận xét về nội dung, hình thức bài tranh luận. - Đánh giá: + Bài tranh luận của người nói có ưu điểm và hạn chế nào? + Nếu tranh luận, em sẽ điều chỉnh như thế nào?

PHỤ LỤC 1

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI THUYẾT TRÌNH VÀ QUÁ TRÌNH NÓI

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ:……

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
BÀI THUYẾT TRÌNH			
1	Bố cục ba phần: Mở đầu, nội dung chính, kết thúc.		
2	Phần nội dung chính đã làm rõ được vấn đề cần trình bày.		
QUÁ TRÌNH NÓI			
3	Kết hợp được phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ khi trình bày, sử dụng có hiệu quả các phương tiện công nghệ hỗ trợ (nếu có).		
4	Thể hiện bài nói một cách chủ động, tự tin, tạo hứng thú cho người nghe; làm chủ thời gian, duy trì tương tác với người nghe.		
5	**ĐÁNH GIÁ CHUNG** - Những thành công và hạn chế của bài tranh luận: .... - Hướng khắc phục, sửa chữa:		

PHỤ LỤC 2

PHIẾU ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM TRA QUÁ TRÌNH NGHE

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ:……

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH NGHE			
1	Thái độ nghe: tập trung và tôn trọng người nói		
2	Tích cực ghi chép		
3	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói		
4	**KIỂM TRA KẾT QUẢ NGHE** - Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa? ..... - Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức tranh luận về một vấn đề có ý kiến trái chiều:		

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết tranh luận về một vấn đề có ý kiến trái chiều.

b. Nội dung: Tranh luận về vấn đề **Tình yêu tuổi học đường – Nên hay không nên?**

c. Sản phẩm: Phần tranh biện của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành hai nhóm. Nhóm ủng hộ quan điểm **nên** và nhóm ủng hộ quan điểm **không nên**.

- GV nêu nhiệm vụ cho nhóm:

Đưa ra những lí lẽ và dẫn chứng để bảo vệ quan điểm của mình về vấn đề: **Tình yêu tuổi học đường – Nên hay không nên?**

+ Hình thức: Tổ chức thành buổi tranh biện theo format "Truongteen" và quay video.

+ Đăng trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.

+ Chấm điểm: Theo lượt chia sẻ, bình luậnvà yêu thích.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Đăng trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.

Bước 4: Kết luận, nhận xét

GV nhận xét tổng kết trong bài học sau.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Hoàn thiện các bài tập còn lại.
- Tự thực hành nói: Tranh luận về một vấn đề có những ý kiến trái ngược nhau (chủ đề tự chọn).
- **Chuẩn bị bài:** Củng cố, mở rộng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1,2,3,9 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

5. HOẠT ĐỘNG 5: CỦNG CỐ, MỞ RỘNG (CẢ BÀI 8)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện tại lớp hoặc ở nhà.
- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia 4 nhóm thảo luận 4 câu hỏi (1, 2, 3, 4)

Câu hỏi thảo luận nhóm:

Câu 1. Tổng hợp các thông tin về các VB đã học trong bài theo gợi ý sau:

Tên VB	Tên tác giả	Ý chính	Ý phụ	Chi tiết	Quan điểm, thái độ

Câu 2. Tìm đọc các văn bản khác trong hai cuốn sách *Nhiệt đới buồn* của Cờ lốt Lê-vi-Xtơ-rốt và *Đời muối: Lịch sử thế giới* của Mác Kơ-len-xki. Tóm tắt các thông tin mà bạn đã đọc.

Câu 3. Nêu một số trường hợp vi phạm quyền sở hữu trí tuệ mà bạn biết. Bạn rút được kinh nghiệm gì từ những trường hợp đó?

Câu 4. Lập dàn ý cho một bức thư dự kiến viết nhằm một trong những mục đích sau:

- Kiến nghị gửi cho hiệu trưởng về tình trạng lãng phí điện trong trường học
- Kiến nghị gửi cho lãnh đạo địa phương về kế hoạch phát triển cây xanh ở nơi bạn sinh sống
- Trao đổi với một người có ảnh hưởng trong xã hội về vấn đề khởi nghiệp trong giới trẻ.

Câu 5. (HS tự tổ chức tranh biện) Tổ chức cuộc tranh biện trong nhóm hoặc trong lớp về một trong các chủ đề gợi ý sau:

- Có nên phát triển du lịch ở những khu vực bảo tồn thiên nhiên hoang dã?
- Học đại học có phải là con đường duy nhất sau khi tốt nghiệp Trung học phổ thông?
- Có nên thay thế các vật liệu tự nhiên bằng các vật liệu nhân tạo?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận, trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi.
- GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu 1. Tổng hợp các thông tin về các văn bản đã học trong bài theo gợi ý sau:

Tên VB	**Tên tác giả**	**Ý chính**	**Ý phụ**	**Chi tiết**	**Quan điểm, thái độ**
Pa-ra-na	Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rốt	- Số phận người Anh điêng trong lịch sử.	- Số phận người Anh điêng trong các giai	- Chi tiết người Giê bản địa từ khi bị	- Thái độ: + Nghiên cứu nghiêm cẩn, trách nhiệm,

		- Cuộc sống người Giê dưới chế độ thực dân.	đoạn: Trước thời kì thuộc địa, vài thế kỉ trước, 1914, sau đó. - Những chính sách và hoạt động của chính phủ và phản ứng của người bản xứ.	người Châu Âu xâm lược, đã bị dồn đuổi, phải lẩn trốn, bị cưỡng bức định cư - Chi tiết về những tập tục cư trú, sinh hoạt, ăn uống, lao động…của người Giê bản xứ…	khách quan nhưng cũng đầy đồng cảm và thấu hiểu + Ngưỡng mộ đối với vẻ đẹp, sức sống mãnh liệt và sự tinh tế của nền văn hoá bản địa - Quan điểm: khẳng định sự bình đẳng và đa dạng giữa các nền văn hoá và kêu gọi sự trở về, sống hài hoà với thiên nhiên, giữ gìn bản sắc dân tộc
Giáo dục khai phóng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục	Nguyễn Nam	Bối cảnh lịch sử, điểm nhấn then chốt trong lịch sử giáo dục Việt Nam và giáo dục khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thục	- Bối cảnh lịch sử: Những biến động chính trị, kinh tế, xã hội và quân sự ở khu vực Đông Á cuối TK XIX – đầu TKXX; chiến thắng của Nhật	Chi tiết các biến động chính trị; Bắc – Trung – Nam bị phân cắt thành 3 kì… - Sách ĐKNT của Đào Trinh Nhất…	thái độ, lập trường của tác giả, qua nội dung các nhận định, đánh giá thể hiện sự đề cao vị trí và đóng góp của Đông Kinh Nghĩa Thục trong lịch sử; tác giả đã thể hiện một cách gián tiếp thái độ ủng hộ đối

			Bản trong chiến tranh Nga – Nhật (1905) - Điểm nhấn then chốt trong lịch sử giáo dục không phải từ trên xuống…; các bằng chứng để làm nổi bật nhận định - Mục đích - tôn chỉ giáo hóa của ĐKNT.		với giáo dục khai phóng.
Đời muối	Mác Kơ-len-xki	Lịch sử nhân loại gắn liền với hành trình đời muối: trước và sau khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu của đời sống.	- Trước khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu, lịch sử nhân loại phát triển một cách chậm chạp, gắn với sự hình thành một cách dần dần của việc thuần hóa động vật	- Khoảng 11 000 năm trước CN, sau khi Kỉ Băng Hà kết thúc…; vào khoảng năm 8000 trước CN…	Khi quan sát lịch sử của nhân loại qua những thăng trầm trong số phận của muối, tác giả đã tạo ra một cách phân kì lịch sử khác, nhìn lịch sử nhân loại từ một góc độ khác, nhìn ra những quy luật khác của lịch sử và đặt

			hoang dã, trồng trọt và chăn nuôi. - Việc tìm kiếm, sản xuất, buôn bán muối đã thúc đẩy công nghiệp, thương mại, giao thông, địa chất học, hóa học phát triển, tạo nên những thay đổi lớn trong các thể chế chính trị,…		ra.
Sách thay đổi lịch sử loài người	Vũ Đức Liêm	Ảnh hưởng của sách đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; mối quan hệ của sách với độc giả và tương lại của sách.	- Tầm quan trọng của sách: góp phần tạo ra châu Âu hiện đại; tương tác và ảnh hưởng sâu rộng trên nhiều lĩnh vực: in ấn, báo tạp chí, quảng cáo…	Các chi tiết về vai trò của sách; hoạt động đọc sách…	Đề cao vị trí, vai trò của sách trong đời sống con người.

			- Sự gia tăng số lượng độc giả và sự phát triển của văn hóa đọc đã thay đổi hành vi đọc, thị hiếu đọc và cách thức sản xuất sách….		

Câu 2. HS tự sưu tầm và tóm tắt các thông tin đã đọc theo yêu cầu

Ví dụ: Đoạn trích chương XXVIII trong *Nhiệt đới buồn* có tên *Bài học chữ viết* thể hiện những thông tin cơ bản về chữ viết của người thổ dân Nambikwara

- Người Nambikwa không biết viết, không biết vẽ.
- Tò mò, sử dụng giấy trắng và chì để vẽ đường ngoằn ngoèo thể hiện ý muốn của mình.
- Sử dụng bức vẽ ngoằn ngoèo ấy trong các cuộc trao đổi.
- Từ đó, nhân vật tôi có những suy nghĩ về vai trò của chữ viết trong lịch sử nhân loại.

Câu 3. Một số trường hợp vi phạm quyền sở hữu trí tuệ nổi tiếng:

- Tranh chấp về bản quyền tác giả đối với truyện tranh "Thần đồng đất Việt"
- Tranh chấp bản quyền bài hát Gánh mẹ
- Vụ tranh chấp bản quyền phim Trạng Tí
- Tranh chấp nhãn hiệu cà phê Trung Nguyên ở Mỹ.

=> Rút kinh nghiệm:

- Tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ: Cần ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và tôn trọng quyền của người khác.
- Sử dụng hợp pháp các sản phẩm trí tuệ: Chỉ sử dụng các sản phẩm trí tuệ khi có sự cho phép của chủ sở hữu.
- Bảo vệ bí mật kinh doanh: Có biện pháp bảo vệ bí mật kinh doanh của doanh nghiệp.
- Tuân thủ pháp luật: Tuân thủ các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Câu 4, 5. HS tự lập dàn ý/tổ chức tranh biện theo yêu cầu.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.

- Chuẩn bị bài 9: Văn học và cuộc đời

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung module đã được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....
.....